

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	3
MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I - NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI HỒ CẨM ĐÀO.....	10
1. Bối cảnh quốc tế và khu vực.....	10
1.1. Bối cảnh quốc tế	10
1.2. Bối cảnh khu vực	12
2. Tình hình Trung Quốc.....	13
3. Mục tiêu của Trung Quốc.....	15
3.1. Mục tiêu lâu dài của Trung Quốc.....	15
3.2. Tính kế thừa lịch sử trong chính sách đối ngoại Trung Quốc.....	17
4. Nhân tố lãnh đạo.....	19
CHƯƠNG II - MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI HỒ CẨM ĐÀO.....	22
1. Khái quát về chính sách đối ngoại dưới thời Hồ Cẩm Đào	22
2. Cơ sở và nội dung của "Phát triển hòa bình" và "Thế giới hài hòa"	25
2.1. Chiến lược "Phát triển hòa bình"	25
2.2. Chiến lược "Thế giới hài hòa"	28
3. Thực tiễn triển khai "Phát triển hòa bình" và "Thế giới hài hòa"	32
3.1. Tăng cường phát triển sức mạnh mềm văn hóa quốc gia	32
3.2. Xây dựng hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm.....	34
3.3. Tạo dựng ảnh hưởng trong khu vực và trên thế giới.....	38

CHƯƠNG III - ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC	
DƯỚI THỜI HỒ CẨM ĐÀO.....	43
1. Một số thành tựu.....	43
2. Một số hạn chế.....	46
2.1. Hạn chế bên trong.....	46
2.2. Hạn chế trong quan hệ đối ngoại.....	48
3. Một số dự báo về chính sách đối ngoại “hậu Hồ Cẩm Đào”.....	50
3.1. Thách thức và cơ hội cho Trung Quốc.....	50
3.2. Dự báo chiều hướng chính sách đối ngoại “hậu Hồ Cẩm Đào”.....	53
KẾT LUẬN.....	56
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	59
PHỤ LỤC 1.....	67
PHỤ LỤC 2.....	71

LỜI CẢM ƠN

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với Thầy giáo - PSG.TS. Tạ Minh Tuấn, người đã tận tình hướng dẫn tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, từ khâu chọn lựa đề tài đến hoàn chỉnh nội dung chi tiết. Những góp ý vô cùng quý báu của thầy đã giúp tôi có những hiểu biết sâu sắc hơn về đề tài khóa luận và gợi mở cho tôi phương pháp tổng hợp tài liệu và nghiên cứu hiệu quả.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn tất cả các thầy cô giáo tại Học viện đã luôn giúp đỡ, tạo điều kiện cho tôi hoàn thành 4 năm Đại học một cách thuận lợi nhất, đặc biệt là Thầy giáo – TS. Đỗ Sơn Hải, Trưởng khoa Chính trị Quốc tế và Ngoại giao về những kiến thức phong phú và phương pháp nghiên cứu và Cô giáo – Th.S Đỗ Thị Thủy, người đã khơi dậy niềm đam mê nghiên cứu về Trung Quốc trong tôi.

Cuối cùng, tôi vô cùng biết ơn gia đình, người thân và bạn bè đã động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình viết khóa luận.

Hà Nội, tháng 5 năm 2012

Sinh viên

Phạm Hồng Anh

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã trải qua hơn 60 năm đầy những thăng trầm, biến cố cùng với các thành tựu rực rỡ. Sau 30 năm cải cách, Trung Quốc từ một nước nghèo đói, lạc hậu vươn lên trở thành nền kinh tế thứ hai trên thế giới (sau Mỹ), một nước lớn có ảnh hưởng sâu rộng ở khu vực và trên thế giới. Trung Quốc đã từng ở đỉnh cao của văn minh thời cổ đại, rồi lại giậm chân tại chỗ trong thời kỳ trung cổ, đã rơi xuống đáy vực của sự sa sút trong thời kỳ cận đại, nhưng nay lại đang vươn lên sánh ngang hàng với nhiều cường quốc trên thế giới. Sự kết hợp tổng lực giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm khiến cho con rồng Trung Hoa trỗi dậy mạnh mẽ hơn bao giờ. Trong đó, ngoại giao tham dự với tư cách là một trong những nhân tố trực tiếp để đưa Trung Quốc “đến với thế giới” và “đón thế giới vào”, để khẳng định và giới thiệu với thế giới một Trung Quốc đang trỗi dậy bằng đầy đủ sức mạnh và tố chất của một cường quốc, góp phần nâng cao vị thế Trung Quốc trong cộng đồng quốc tế.

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc, cũng như của bất kỳ một quốc gia nào khác, đều được hoạch định trên cơ sở các yếu tố nội lực kết hợp với mục tiêu dài hạn của mình trước những thay đổi của bối cảnh quốc tế. Tuy nhiên, quá trình hoạch định chính sách đối ngoại ở Trung Quốc có một đặc thù, đó là nó chịu ảnh hưởng sâu sắc từ thế giới quan của các nhà lãnh đạo cấp cao nhất. Nói cách khác, tùy từng giai đoạn lịch sử, chính sách ngoại giao của nước này có những điều chỉnh nhất định, thể hiện rõ nét màu sắc của tư tưởng của từng thế hệ lãnh đạo. Thế hệ thứ tư với Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đứng đầu là đại diện tiêu biểu cho một Trung Quốc hiện đại: năng động, mạnh mẽ và

hướng tới bên ngoài. Riêng Hồ Cẩm Đào đã từng được tờ New York Times của Mỹ gọi là "người cầm lái thần bí". Đứng đầu một quốc gia đông dân và có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới, "người thần bí" đã và đang chứng tỏ mình là một người có phong cách lãnh đạo mềm dẻo nhưng rất cương quyết. Trong những năm tháng thế hệ thứ tư cầm quyền (2002 – 2012), chính sách đối ngoại Trung Quốc như được thổi một luồng gió mới, đậm đà màu sắc Trung Hoa và đậm nét dấu ấn Hồ Cẩm Đào.

Quá trình Trung Quốc làm mới mình trong hai nhiệm kỳ của chủ tịch Hồ Cẩm Đào, cùng với những thành tựu cũng như những khó khăn còn tồn tại là nguồn tư liệu quý giá với những quốc gia khác, trong đó có Việt Nam. Việc đi sâu nghiên cứu những điều chỉnh về chính sách đối ngoại, sách lược của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào, đặc biệt là những chính sách mới, đặc sắc trong thời kỳ này là điều cần thiết và có cả ý nghĩa lý luận lẫn thực tiễn đối với nghiên cứu khoa học chính trị cũng như hoạch định chính sách quốc gia. Bởi những lý do trên, tác giả đã thực hiện khóa luận tốt nghiệp với đề tài “*Một số điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào*”.

2. Mục tiêu – phương pháp nghiên cứu

Luận văn có mục tiêu tìm hiểu, phân tích và đánh giá những nội dung chính trong một số chính sách nổi bật của Hồ Cẩm Đào, cả về mặt lý luận và thực tiễn, từ đó đánh giá hiệu quả triển khai của chúng. Nghiên cứu này nhằm trả lời những câu hỏi sau: (1) Những nhân tố nào tác động đến việc hoạch định chính sách thời Hồ Cẩm Đào?; (2) Cơ sở, nội dung, thực tiễn và hiệu quả triển khai các chính sách như thế nào?

Về mặt phương pháp luận nghiên cứu, các phân tích, đánh giá đều dựa trên quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Đồng

thời luận văn sử dụng các phương pháp phân tích – tổng hợp, so sánh – đối chiếu kết hợp với phương pháp logic – lịch sử để tập trung làm rõ yêu cầu của đề tài.

3. Phạm vi nghiên cứu

Tác giả lựa chọn nghiên cứu về những nét đặc sắc trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào. Trong thời kỳ này, Trung Quốc thực sự đã chuyển mình, trở thành cường quốc không chỉ ở khu vực Đông Á mà trên cả phạm vi toàn cầu. Đó là một hiện thực không chỉ bởi những số liệu, đánh giá của các nhà nghiên cứu, học giả những năm gần đây, mà hơn cả, là hiện thực sống động ở quốc gia rộng lớn và đông dân nhất thế giới này. Hồ Cẩm Đào đã đề ra rất nhiều chính sách mới để phù hợp với thời cuộc, và thực sự chúng đã thể hiện hiệu quả lớn trong việc đưa Trung Quốc đến vị trí của ngày hôm nay. Tuy nhiên luận văn không có tham vọng nghiên cứu toàn bộ những chính sách này, mà chỉ điếm qua một số chính sách thực sự nổi bật, có tác động rõ rệt đến sự phát triển của Trung Quốc cũng như quan hệ đối ngoại của nước này. Từ đó, người viết sẽ giới hạn phạm vi đối tượng nghiên cứu là hai chính sách nổi bật “thế giới hài hòa” và “phát triển hòa bình”. Sở dĩ lựa chọn hai chính sách này là bởi đây là hai học thuyết được Hồ Cẩm Đào đưa ra trong mục tiêu xây dựng hình ảnh một Trung Quốc mới: một cường quốc hòa bình, thân thiện và cởi mở. Đây cũng là hai chính sách trọng điểm trong mục tiêu phát triển sức mạnh mềm của nước này.

Về phạm vi thời gian, luận văn giới hạn trong hai nhiệm kỳ của Hồ Cẩm Đào, tức là từ năm 2002 đến 2012. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả cũng sẽ phân tích và so sánh với những thời kỳ trước để làm rõ sự đặc sắc của hai chính sách thời kỳ này.

4. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Cho đến nay, “thế giới hài hòa” và “phát triển hòa bình” là hai vấn đề gây nhiều tranh luận và thu hút sự chú ý của nhiều học giả trên thế giới nên đã có nhiều bài nghiên cứu, phân tích về vấn đề này.

Có thể kể đến một số tác phẩm nghiên cứu nước ngoài nói về hai chính sách này của Trung Quốc như: “*Mối đe dọa Trung Quốc: Nhận thức, những mơ hồ và thực tiễn*” – Hertbert Yee và Ian Storey [32]; “*Liệu Trung Quốc có phải là mối đe dọa?*” - Henry Rosemont [28]; “*Phân tích có hệ thống thuyết đe dọa Trung Quốc*” - Khalid R.AI Rodhan [15],... Những bài viết này chủ yếu nhìn nhận chính sách phát triển hòa bình hay thế giới hài hòa của Trung Quốc như một mối đe dọa đến phần còn lại của thế giới, đặc biệt là phương Tây. Quan điểm từ những bài phân tích của các nước láng giềng của Trung Quốc cũng nhận thức chính sách của Trung Quốc như một mối đe dọa đến an ninh, phát triển kinh tế của các nước này: “*Mối đe dọa Trung Quốc thực sự*” - Chalmers Johnson [46]; “*Trung Quốc có trở thành mối đe dọa về quân sự ở châu Á?*” - Patrick Moore [49]; “*Trung Quốc: mối đe dọa an ninh Đông Á*” - Denny Roy [29]...

Ở Việt Nam, những bài báo, bài phân tích, các tài liệu tham khảo có liên quan cũng đã được công bố nhiều, mang cả tính tổng hợp thông tin và trình bày quan điểm cá nhân. Có thể kể đến một số bài báo nổi bật như: “*Về sức mạnh mềm của Trung Quốc tại Châu Á*” của Nguyễn Đức Tuyên [7]; “*Từ khái niệm ‘Xã hội hài hòa’ tới bước phát triển mới trong tư duy quốc tế của giới lãnh đạo Trung Quốc*” của Hiền Lương – Phương Mai [5] hay “*Nội hàm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc*” của Phạm Sao Mai [8].

Một số khóa luận đại học tại Học viện Ngoại giao các khóa trước cũng đã đề cập trực tiếp hay gián tiếp đến hai chính sách này. Gần gũi và nổi bật

nhất có khóa luận đại học của Lê Thị Thanh Huyền: “*Chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc và những tác động đối với khu vực*” (Khóa 32 – năm 2009). Khóa luận nhìn nhận chính sách phát triển hòa bình của Trung Quốc từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế, từ đó đánh giá ảnh hưởng, tác động của nó đến khu vực.

Khóa luận đại học của Nguyễn Thị Hằng Ngân: “*Xây dựng hình ảnh quốc gia trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc những năm đầu thế kỷ XXI*” (Khóa 33 – năm 2010) gián tiếp đề cập đến thuyết “thế giới hài hòa” và “phát triển hòa bình” khi phân tích mối liên hệ giữa chính sách đối ngoại và xây dựng hình ảnh quốc gia, từ đó rút ra bài học cho Việt Nam.

Nhìn chung, qua một số công trình nghiên cứu có liên quan, có thể thấy cách tiếp cận vấn đề có điểm chung là xuất phát từ thực tiễn Trung Quốc và bối cảnh thế giới, từ nội hàm của chính sách đến thực tiễn triển khai và những hệ quả. Bên cạnh đó, hầu hết những bài phân tích, nghiên cứu này đều từ khoảng thời gian đầu năm 2011 trở về trước, vì thế chưa thể cập nhật, đánh giá những chuyển biến trong triển khai chính sách hai năm trở lại đây. Vì thế, tác giả hy vọng có thể đóng góp thêm một tài liệu tham khảo hữu ích, làm phong phú thêm các công trình nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Trung Quốc.

5. Kết cấu khóa luận

Với những mục đích và yêu cầu đã nêu, luận văn, ngoài phần Mở đầu và Kết luận, được bố cục như sau:

Chương I - “*Những nhân tố tác động đến việc hoạch định chính sách đối ngoại Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào*”. Chương này sẽ nêu và phân tích những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến những chính sách, chiến lược trong hai nhiệm kỳ của chủ tịch Hồ Cẩm Đào.

Chương II – “*Một số điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào*”. Chương II trước hết khái quát đặc điểm chính sách đối ngoại của Trung Quốc thời kỳ này, điểm ra một số chính sách quan trọng nổi bật; sau đó tập trung phân tích nội dung và thực tiễn triển khai hai chính sách cụ thể là “Phát triển hòa bình” và “Thế giới hài hòa”.

Chương III – “*Đánh giá chung về chính sách đối ngoại Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào*”. Ở chương cuối này, tác giả sẽ đưa ra một số đánh giá về thành tựu cũng như hạn chế trong triển khai hai chính sách “Phát triển hòa bình” và “Thế giới hài hòa”, và dự báo về cơ hội, chiều hướng của Trung Quốc trong thời kỳ lãnh đạo mới.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, luận văn chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định do hiểu biết, trình độ và kinh nghiệm của sinh viên còn hạn chế. Rất mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô và sự đóng góp ý kiến của các bạn.

CHƯƠNG I - NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC HOẠCH ĐỊNH CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI HỒ CẨM ĐÀO

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

1.1. Bối cảnh quốc tế

Bối cảnh quốc tế là môi trường mà các quốc gia tồn tại và cọ xát lợi ích lẫn nhau, là nhân tố phải được xem xét hàng đầu trong công việc hoạch định chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia. Bước vào thế kỷ XXI, thế giới ngày càng thay đổi nhanh chóng và các quốc gia cũng phải điều chỉnh để theo kịp với những xu thế của thời đại. Gần một thập kỷ qua, trên thế giới tồn tại song song ba xu thế chủ yếu:

Thứ nhất, xu thế đa cực hóa và dân chủ hóa đời sống chính trị quốc tế xuất hiện từ đầu thập niên 1990 và đang ngày càng phát triển. Nếu cho rằng cục diện quốc tế từ khi Chiến tranh Lạnh chấm dứt đến nay là “nhất siêu đa cường”, thì cục diện trong 5-10 năm tới càng hướng tới “đa cường nhất siêu”. Nói cách khác, trước kia nước Mỹ là siêu cường duy nhất nắm quyền chi phối thế giới, các nước tranh thủ quan hệ tốt với Mỹ; thì ngày nay các nước lớn hợp tác nắm quyền chi phối thế giới, cạnh tranh gay gắt với Mỹ trên mọi lĩnh vực. Trung Quốc từ vị thế yếu nhất trong các nước lớn, đang nhanh chóng lớn mạnh vươn tới vị trí đứng đầu các nước này.

Thứ hai, hòa bình và ổn định là một trong những xu thế nổi trội của thời đại. Tương quan lực lượng quốc tế thời gian qua có lợi cho bảo vệ hoà bình, vì vậy tình hình quốc tế về tổng thể tương đối ổn định. Điều này phù hợp với nhu cầu của Trung Quốc muốn có môi trường hòa bình để tập trung phát triển kinh tế. Mặt khác, một sự chuyển dịch quyền lực toàn cầu về mức

độ tổn thương biểu hiện ở nguy cơ tiềm ẩn của các cuộc xung đột quân sự toàn cầu [21;382]; cùng với sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng nhưng không bền vững bên trong Trung Quốc, đã đưa ra một khả năng có thể xảy ra những sự chống đối quy mô lớn. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã học được rằng một cuộc đối đầu quân sự với Mỹ và/hoặc với Nhật Bản sẽ là một tai họa đối với nước này. Do đó, Trung Quốc đồng thời phải vừa tránh một cuộc xung đột quân sự, đặc biệt với Mỹ và những đồng minh thân cận; vừa đẩy mạnh các mối quan hệ đồng minh song phương và đa phương với nhiều đối tác thương mại và chính trị.

Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu thế chủ đạo **thứ ba** của thế giới. Các quốc gia đều ưu tiên phát triển kinh tế, cạnh tranh trở nên vô cùng gay gắt, nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều thách thức. Hợp tác toàn cầu và khu vực không ngừng tăng lên, cách mạng khoa học - kỹ thuật được đẩy nhanh, sự phụ thuộc giữa các nước ngày càng chặt chẽ... Xu thế này buộc Trung Quốc nói riêng, và các nước khác nói chung, phải có những chính sách, chiến lược gắn liền với thế giới, hội nhập với thế giới, tận dụng cơ hội, gạt bỏ trở ngại để vươn lên.

Tuy nhiên, thế giới vẫn đứng trước nhiều vấn đề nan giải, thách thức cần giải quyết. Chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền vẫn tồn tại, xung đột cục bộ ở một vài nơi vẫn xảy ra. Thực tế chính trị thế giới gần hai thập niên qua cho thấy địa - chiến lược vẫn là tiêu điểm của các mối quan hệ chính trị rường cột trên thế giới [9;24]. NATO vẫn tiếp tục quá trình Đông tiến. Các nước lớn vẫn không ngừng tăng cường tiềm lực quân sự, chạy đua vũ trang. Cạnh tranh quyền lực ở các đại dương và không gian vũ trụ vẫn gia tăng. Các cuộc chiến tranh cục bộ ở Kosovo (1999), ở Afghanistan (2001), Iraq (2003) hay ở Libya (2011) không đơn thuần chỉ là vấn đề nhân đạo, nhân quyền, dân

chủ hay chống khủng bố. Kinh tế toàn cầu mất cân đối nghiêm trọng, hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới 2008 vẫn kéo dài đến tận bây giờ. Mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống đan xen nhau, trong đó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ngày càng lớn, lấn át các vấn đề quốc tế nóng bỏng... Ngoài ra, những vấn đề không chủ yếu trước đây như đường hàng hải, quyền lợi biển, tăng trưởng dân số thế giới, nguồn năng lượng mới, biến đổi khí hậu đang trở thành trọng điểm của quan hệ quốc tế hiện nay. Những vấn đề hoặc đề tài thảo luận này không chỉ dẫn đến biến đổi hình mẫu quan hệ quốc tế, mà còn đòi hỏi các quốc gia phải đổi mới tư duy, cập nhật tri thức, điều chỉnh góc nhìn nghiên cứu, thay đổi biện pháp nghiên cứu, nếu không sẽ không theo kịp nhịp bước của thời đại mới. Bên cạnh đó, những thách thức này cũng đặt ra cơ hội cho Trung Quốc tham gia nhiều hơn vào tiến trình giải quyết các vấn đề toàn cầu, đóng góp tiếng nói và nâng cao vị thế của một nước lớn trên trường quốc tế.

1.2. Bối cảnh khu vực

Từ sau Chiến tranh lạnh, Châu Á - Thái Bình Dương là khu vực phát triển kinh tế năng động nhất thế giới, các nước trong khu vực đều muốn có một môi trường hòa bình để phát triển và trên thực tế đã xây dựng được các cơ chế hợp tác hòa bình từ tiểu khu vực¹. Với diện tích rộng lớn gồm phần lớn Châu Á, các nước nằm trong vành đai Thái Bình Dương trải dài từ tiểu lục địa Ấn Độ đến bờ biển phía tây của Mỹ, khu vực rộng lớn chiếm 50% dân số thế giới này đang ngày càng có vị trí địa – chiến lược quan trọng trên bản đồ chính trị quốc tế.

Sau Chiến tranh lạnh, việc Mỹ và Nga giảm sự có mặt về quân sự tại khu vực đã làm xuất hiện một khoảng trống quyền lực. Bên cạnh đó, vai trò vị

¹ Có thể lấy ví dụ về hợp tác tiểu khu vực như ASEAN, ASEAN +1, +2 và +3, Tiểu vùng sông Mekong, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC), v.v...

trí của Nhật Bản còn nhiều hạn chế; các nước ASEAN thì gặp những khó khăn nhất định. Mặt khác, một bộ phận các nước châu Á đã chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung Quốc trong suốt mấy nghìn năm lịch sử. Đây là những thuận lợi giúp cho Trung Quốc trải rộng tầm ảnh hưởng, tập hợp lực lượng chống lại sự can thiệp của phương Tây. Ngoài ra, khu vực này lại chưa hình thành một cơ chế an ninh toàn diện và hiệu quả, vì thế Trung Quốc không phải chịu sự ràng buộc khắt khe nào, có thể tự do phát huy vai trò nước lớn, tự do “bành trướng ảnh hưởng” để nhanh chóng trở thành một cường quốc khu vực.

Đặc biệt, sự suy giảm tương đối về sức mạnh Mỹ có thể được coi là nhân tố thuận cho quá trình trỗi dậy của Trung Quốc. Hồ Cẩm Đào lên nắm quyền đúng vào thời kỳ Mỹ bắt đầu tham gia cuộc chiến chống khủng bố tại Trung Đông. Hai nhiệm kỳ của chủ tịch Hồ chứng kiến sự suy giảm về kinh tế Mỹ sau cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (2008); về uy tín quốc tế (sau những cuộc chiến ở Trung Đông và Lybia); sự suy giảm về vai trò và ảnh hưởng của Mỹ ở một số khu vực, kết hợp với việc nước này theo đuổi chủ nghĩa đơn phương, rút lui khỏi nhiều tổ chức đa phương và một vài cam kết quốc tế (như Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo, Nghị định thư Kyoto...). Tất cả những việc này đã khiến Mỹ mất dần vị thế trong cuộc đua giành vị trí số 1 thế giới, và số 1 khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Cho đến giữa nhiệm kỳ của mình, khi Tổng thống Mỹ B. Obama tuyên bố Mỹ sẽ quay trở lại Châu Á, thì Trung Quốc đã trở thành một cường quốc đủ thế và lực để cạnh tranh với Mỹ trên mọi lĩnh vực.

2. Tình hình Trung Quốc

Sau hơn 30 năm kể từ khi Hội nghị Trung ương III khóa XI Đảng cộng sản Trung Quốc (12/1978) quyết định cải cách mở cửa đất nước, Trung Quốc từ

một nước nghèo, kém phát triển đã vươn lên trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đồng thời là quốc gia có dự trữ ngoại tệ lớn nhất toàn cầu². Bất chấp những ảnh hưởng nặng nề từ cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính thế giới (2008), nền kinh tế Trung Quốc hiện nay vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhanh. Đặc biệt, mức tăng trưởng GDP 10.3% của Trung Quốc trong năm 2010 là mức tăng trưởng cao nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, cho thấy tốc độ phục hồi kinh tế vượt bậc của nước này [58]. Cũng trong năm này, Trung Quốc đã vượt qua Nhật trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới (sau Mỹ). Nước này sẽ trở thành đối thủ cạnh tranh chính của Mỹ và các nền kinh tế khác trong việc giành các hợp đồng dầu lửa, tài nguyên và cơ sở hạ tầng ở Iran, Saudi, Brazil và các nơi khác.

Về quân sự, năng lực quân sự của Trung Quốc xếp thứ ba trong bảng xếp hạng 11 nước lớn (năm 2012) [43]. Đầu tháng 3, Trung Quốc đã công bố ngân sách quốc phòng cho 2012, và lần đầu tiên phá vỡ ngưỡng mức 100 tỉ USD. Trong thực tế, chi tiêu quân sự Trung Quốc sẽ đạt tổng 106,4 tỉ USD, tăng 11,2% so với 2011 và con số này không bao gồm các khoản chi không công bố (có thể là hàng tỉ USD mỗi năm) [54]. Không một nước nào khác, ngoại trừ Mỹ dành chi tiêu quốc phòng lớn như vậy. Đồng thời Trung Quốc cũng được coi là một cường quốc về hạt nhân, có tiềm năng về vũ khí hóa học và sinh học.

Về khoa học – công nghệ, Trung Quốc có những bước tiến lớn, đặc biệt trong lĩnh vực chinh phục không gian vũ trụ. Đồng thời nước này cũng đã chứng tỏ những tiến bộ đối với các loại máy bay chiến đấu và kỹ thuật tên lửa gần đây. Lực lượng hải quân biển xanh cũng được chú trọng phát triển ngày càng mạnh mẽ để khẳng định vị thế cường quốc của Trung Quốc ở Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

² Theo số liệu thống kê sơ bộ do Tổng cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố hồi tháng 01/2011.

Dưới thời Chủ tịch Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc chuyển từ sách lược “giấu mình chờ thời” sang chủ động và tích cực tham gia các vấn đề quốc tế, chuyển mạnh từ ngoại giao chính trị sang ngoại giao kinh tế, năng lượng, bảo hộ công dân, chủ động hội nhập, tích cực tham gia đề xướng các thể chế và luật chơi quốc tế,... nhằm gia tăng gắn kết về lợi ích và sự phụ thuộc lẫn nhau. Trung Quốc ngày càng có vai trò quan trọng trong nhóm bốn nền kinh tế mới nổi phát triển nhanh nhất (BRIC³) cũng như trong các diễn đàn đa phương như Vòng đàm phán 6 bên về vấn đề hạt nhân của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), Hội nghị thượng đỉnh Đông Á (EAS), Diễn đàn hợp tác Á – Âu (ASEM), Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO)...

Có thể nói chính sự vươn lên thần kỳ của quốc lực tổng hợp đã làm cho vị thế của Trung Quốc ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế⁴. Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hoá làm xuất hiện các vấn đề mới đòi hỏi phải được giải quyết trên phạm vi toàn thế giới. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc nhận thức rõ rằng, dù thu được những thành tựu to lớn trong công cuộc cải cách, phát triển kinh tế, nhưng sự phát triển ấy là không bền vững. Những thách thức từ trong lòng đất nước Trung Quốc là những vấn đề cần phải giải quyết và khắc phục triệt để, là những thách thức lớn trên con đường vươn tới vị trí số một thế giới của nước này.

3. Mục tiêu và tính lịch sử của chính sách đối ngoại Trung Quốc

3.1. Mục tiêu lâu dài của Trung Quốc

Mục tiêu chiến lược của Trung Quốc xuyên suốt trong hơn 40 năm Chiến tranh lạnh, trong thời kỳ đổi mới và sẽ tiếp tục được giữ vững trong tương lai là

³ BRIC gồm 4 nước Brazil, Nga, Ấn Độ và Trung Quốc.

⁴ Quốc lực tổng hợp của Trung Quốc đứng thứ 7 trong bảng xếp hạng 11 nước lớn (số liệu 2009, nguồn <http://news.sina.com.cn>, truy cập ngày 12/4/2012).

vươn lên trở thành một cường quốc số một, hùng mạnh về mọi mặt trên phạm vi toàn cầu (bao gồm sự toàn vẹn lãnh thổ; sự đảm bảo an ninh quốc gia; tiềm lực kinh tế, chính trị, công nghệ; và sức mạnh ngoại giao trên trường quốc tế).

Mục tiêu chiến lược lâu dài này có cơ sở lịch sử của nó. Trước hết, đó là do Trung Quốc có nhu cầu tái khẳng định mình là một nước lớn trên thế giới. Từ năm 1949, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bắt đầu công cuộc xây dựng đất nước nhằm thoát khỏi một giai đoạn đen tối trong lịch sử hiện đại của mình (một thế kỷ bị phương Tây “sỉ nhục”, kìm hãm không được phát triển, do đó “lạc hậu và bị thế giới coi thường”) [62]. Thứ hai, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời trong bối cảnh thù địch của cuộc chiến tranh lạnh, và vì thế ý thức bảo vệ đất nước luôn được đặt lên hàng đầu. Các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh luôn cho rằng các thành phần “nội loạn, ngoại loạn” là mối đe dọa cho sự tồn vong của Trung Quốc. Do đó chính sách xuyên suốt của Trung Quốc bao giờ cũng có hai mục tiêu lớn: củng cố an ninh quốc gia và nâng cao địa vị trên trường quốc tế. Củng cố an ninh quốc gia để đảm bảo môi trường hòa bình và hoàn cảnh quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, còn địa vị quốc tế sẽ hỗ trợ tăng cường khả năng bảo vệ quốc gia, đồng thời giúp nước này mở rộng ảnh hưởng.

Chính sách đối ngoại thực chất là sự kéo dài của chính sách đối nội. Sau Đại hội XVI, và đặc biệt là sau Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc, chính sách ngoại giao của Trung Quốc đã có sự điều chỉnh nhằm phục vụ bước chuyển biến chiến lược về phát triển kinh tế, xã hội theo quan điểm phát triển khoa học, xã hội hài hòa, thực hiện chiến lược trở dậy hoà bình. Điều nhảy 3 bước của Trung Quốc ngày càng lộ rõ: ổn định biên giới, vững chân ở châu Á-Thái Bình Dương và tiến ra thế giới. Điều này có thể lý giải việc từ năm 2007 đến nay Trung Quốc xây dựng lực lượng hải quân hùng mạnh, tăng cường kiểm

soát ở các vùng biển trọng yếu. Có nhận định cho rằng Trung Quốc đang xây dựng vành đai an ninh “chuỗi ngọc trai” kết nối các đảo mà Trung Quốc tuyên bố chủ quyền ở Biển Đông, Đông Hải và Biển Nhật Bản cùng với các đảo và những cơ sở cầu cảng khác của Trung Quốc trải rộng từ Hải Nam đến Trung Đông, chuỗi ngọc trai sẽ giống như một vành đai bao quanh rất nhiều đất liền châu Á. Những khu vực này chính là lợi ích an ninh quốc gia mà Trung Quốc tin là sống còn với cả sứ mệnh bảo vệ vùng biển cũng như chi phối Châu Á – Thái Bình Dương [14].

3.2. Tính kế thừa lịch sử trong chính sách đối ngoại

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc thời nào cũng chịu ảnh hưởng từ nền lịch sử, văn hóa đồ sộ của mình. Từ thời phong kiến, Trung Quốc là một nền văn minh to lớn về địa lý, dũng mãnh về quân sự, và vĩ đại về văn hóa. Với các nước láng giềng, Trung Quốc như một người khổng lồ có quyền lực chi phối tất cả. Người Trung Quốc đã xây dựng hình ảnh nước mình như trung tâm của vũ trụ, một bá quyền chính danh tự cho mình là “Thiên tử”, “Trung Hoa”, “Hoa Hạ”, còn những quốc gia khác chỉ là Man (phía nam), Di (phía đông), Địch (phía tây), Nhung (phía bắc)⁵. Dân tộc Trung Quốc có nền văn minh lâu đời, trong khi những dân tộc khác chỉ là “thiếu số”, “mọi rợ”, may mắn được văn minh Trung Hoa soi sáng.

Những tư tưởng như vậy còn được thể hiện qua triết học Trung Hoa cổ đại (như Nho giáo, Đạo giáo...). Những học thuyết cổ điển này coi trọng trật tự thứ bậc, từ quan hệ giữa con người (phải tuân thủ trật tự đúng mực trong năm mối quan hệ: phu – phụ, phụ - tử, huynh – đệ, bằng – hữu, quân – thần), cho đến quan hệ trong xã hội (theo trật tự tề gia – trị quốc – bình thiên hạ) [17;202].

⁵ Giả Nghị viết trong Trị An Sách, “Thiên Tử là đầu của thiên hạ. Sao vậy? Vì Thiên Tử ở trên. Man Di là chân của thiên hạ. Sao vậy? Vì Man Di ở dưới” (trích lại trong Hán Thư, Giả Nghị Truyện).

Về mặt lãnh thổ, quyền lực, quy ước thứ bậc cũng chi phối tư tưởng người Trung Quốc: lấy Trung Hoa làm tâm, vẽ những vòng tròn đồng tâm, ta sẽ thấy được "chủ quyền thu hẹp đi khi người ta đi từ kinh đô phong kiến ra những vùng ngoại vi của các châu huyện, các nước chư hầu, và cuối cùng là những vùng man di mọi rợ" [16;145]. Những quan niệm kéo dài từ thời phong kiến cho tới thời hiện đại về một thế giới thông nhất, "thiên tử" (vua) có quyền cai trị thần dân, trong đó Trung Quốc ở vị trí trung tâm, cao nhất đã vô hình chung vạch ra một con đường cho những nhà lãnh đạo Trung Quốc về sau: làm thế nào để khôi phục lại vị trí số một của quốc gia, khôi phục lại sức mạnh và ảnh hưởng to lớn từ xa xưa. Từ Tôn Trung Sơn, Mao Trạch Đông,... cho tới Hồ Cẩm Đào, con đường ấy của Trung Quốc vẫn thẳng một lối.

Sau khi Hồ Cẩm Đào trở thành Chủ tịch nước Trung Quốc, ông đã biến mục tiêu theo đuổi "xã hội hài hòa" thành "câu niệm chú" của riêng mình. Biểu hiện của nó chính là việc khôi phục các giá trị của đạo Khổng như tinh thần đoàn kết, giá trị đạo đức, tôn trọng quyền lực, tầm quan trọng của các mối quan hệ tôn ti trật tự để xây dựng đất nước. Vào đầu năm 2006, Hồ Cẩm Đào đã đưa ra luận thuyết "bát vinh, bát si"⁶ rộng rãi trong dân chúng nhằm khuyến khích các giá trị đạo đức và tinh thần đoàn kết, vì cộng đồng.

Tùy từng giai đoạn, thời kỳ, tùy vào những biến động của tình hình quốc tế cũng như tình hình trong nước mà chính sách đối ngoại của Trung Quốc có những thay đổi nhất định. Tuy nhiên mỗi thời kỳ luôn có sự tiếp nhận và phát triển những tư tưởng, chính sách của các thời kỳ trước, của những lãnh đạo đi trước. Nếu như trong giai đoạn chiến tranh lạnh, cơ sở nền tảng cho chính sách của Trung Quốc là chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng của Mao Trạch Đông;

⁶ Tháng 3 năm 2009, tại buổi họp tổ trong Đại hội toàn quốc Chính Hiệp. Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã đưa ra luận thuyết "Bát vinh, bát si" (tám điều lấy làm vinh quang, tám cái xem là si nhục), được coi như những chuẩn mực mới về đạo đức người cầm quyền.

thì sau Chiến tranh lạnh, hai lý luận này vẫn đóng vai trò "kim chỉ nam" trong việc hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc. Kết hợp với những xu thế mới, những thay đổi mới của thế giới, các nhà lãnh đạo nước này đã từ đó phát triển những lý luận mới, những học thuyết mới. Những học thuyết "*giấu mình chờ thời, quyết không đi đầu*", hay "*hòa bình và phát triển*" của Đặng Tiểu Bình được xem là nền tảng mới cho việc phát triển các khái niệm lý thuyết của Trung Quốc về cấu trúc thế giới mới bao gồm "*khái niệm an ninh mới*" (1996), "*trỗi dậy hòa bình*" (2003) và "*xã hội hài hòa*" (2005)" [3:63].

4. Nhân tố lãnh đạo

Khi phân tích những nhân tố tác động đến quá trình hoạch định chính sách đối ngoại của Trung Quốc, không thể bỏ qua nhân tố lãnh đạo. Trong khi những mục tiêu dài hạn trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc khá nhất quán, chính sách đối ngoại của Trung Quốc từng thời kỳ lại trải qua nhiều thay đổi lớn do chịu ảnh hưởng của các vị lãnh đạo. Nói một cách khác, cách thức các nhà lãnh đạo cấp cao nhất đánh giá sự vận động và mối liên hệ giữa hai mục tiêu trên, kết hợp với nhận thức về thế giới, cá tính của mỗi người,... đã dẫn đến những điểm khác nhau trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc.

Ở Trung Quốc, khác với một số nước có hệ thống chính trị đại nghị (tức là người đứng đầu hành pháp - thủ tướng - nắm quyền lực, còn người đứng đầu nhà nước chỉ mang tính tượng trưng như ở Anh, Nhật, Đức...); hay hệ thống tổng thống (tức là người đứng đầu nhà nước và người đứng đầu hành pháp được hợp nhất vào chức năng tổng thống, như ở Mỹ, Brazil...), thì hệ thống chính trị của Trung Quốc là sự kết hợp của cả hai hệ thống trên. Người đứng đầu nhà nước (chủ tịch nước) và người đứng đầu hành pháp (thủ tướng) được tách biệt, nhưng chủ tịch nước có quyền lực lớn hơn rất nhiều so với thủ

tướng. Bên cạnh đó, mặc dù Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất (được Hiến pháp xác lập), nhưng trên thực tế, quyền lực của Đảng cầm quyền mới thực sự đóng vai trò then chốt, Đảng trên thực tế đứng cao hơn cả pháp luật. Người đứng đầu Đảng có tiếng nói mang tính quyết định. Các thế hệ lãnh đạo ở Trung Quốc từ thời Mao Trạch Đông đều kiêm nhiệm nhiều chức vụ cấp cao, bởi thế nên quyền lực và tiếng nói của những người đứng đầu quốc gia có sức nặng rất lớn. Hiện nay Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào cũng đồng thời đảm đương cả hai chức vụ Tổng bí thư và Chủ tịch Quân uỷ Trung ương, là người đàn ông quyền lực nhất Trung Quốc hiện nay.

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc giai đoạn từ năm 1949 đến năm 1976 mang nhiều dấu ấn của Mao Trạch Đông – một người đặt an ninh quốc gia là mối quan tâm hàng đầu của mình. Từ năm 1949 đến cuối những năm 50, Mao Trạch Đông thực thi chính sách “nhất biên đảo”, liên minh với Liên Xô để chống đế quốc, rồi những năm 1960 lại thi hành chính sách “lưỡng biên phản” (chống lại cả Liên Xô và Mỹ), tự cho mình đứng đầu các nước thế giới thứ ba chống lại hai siêu cường. Cho đến những năm thập kỷ 70, Mao vẫn cho rằng một cuộc xung đột với Liên Xô là điều không thể tránh, vì thế Trung Quốc “nhất điều tuyên”, ngả về phía Mỹ để chống “chủ nghĩa bá quyền Liên Xô”.

Năm 1977, khi Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền lãnh đạo, chính sách phát triển nói chung và chính sách đối ngoại nói riêng của Trung Quốc bước vào một giai đoạn mới. Ông đặt ưu tiên cho công cuộc hiện đại hóa, cải cách mở cửa, phát triển kinh tế ở Trung Quốc. Từ sau năm 1990, Đặng Tiểu Bình chủ trương “ăn mình chờ thời” kết hợp với có hành động cụ thể: thực hiện lập trường độc lập tự chủ, không đối kháng, không liên kết, không đi đầu, toàn phương vị. Chính sách này đã tạo điều kiện cho Trung Quốc không khuyếch trương lực lượng, không thể hiện tham vọng bá quyền nhằm tạo một môi

trường ít thù địch nhất để phục vụ cho phát triển kinh tế. Giang Trạch Dân tiếp tục đi theo con đường của Đặng, tuy nhiên bắt đầu đã mạnh mẽ hơn tư tưởng hội nhập hơn với thế giới. Giang Trạch Dân là người có công đưa Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Hồ Cẩm Đào là đại diện tiêu biểu cho thế hệ lãnh đạo mới thứ tư của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Năm 2003, Hồ Cẩm Đào được bầu làm Chủ tịch nước, và kế nhiệm Giang Trạch Dân giữ chức Chủ tịch Quân ủy Trung ương vào năm 2005. Hồ Cẩm Đào khiến nhiều người tò mò mà chưa có lời giải đáp. Tờ New York Times đã viết về Hồ Cẩm Đào với nhan đề “Người cầm lái thần bí” [25;2]. Họ nhận xét ông là một quan chức cộng sản thận trọng, trung thành, linh hoạt, chưa hề để lộ quan điểm bất đồng của mình đối với các vấn đề Trung Quốc vấp phải trong quá trình cải cách mở cửa. Năm 2003, Hồ Cẩm Đào đưa ra thuyết “trôi dạt hòa bình”. Đến 2005 ông lại đưa ra khái niệm “thế giới hài hòa”, đồng thời ra sách trắng về “Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc”, nhằm đối lại với quan điểm chiến tranh trong quá trình trôi dạt của cường quốc từ chủ nghĩa hiện thực Mỹ cũng như thuyết về mối đe dọa từ Trung Quốc của phương Tây. Trên tinh thần kế thừa chính sách đối ngoại “toàn phương vị” của Đặng Tiểu Bình, thừa hưởng một di sản lớn là những thành công từ trong chính sách đối ngoại khác biệt của Giang Trạch Dân, Hồ Cẩm Đào đã và đang điều chỉnh sách lược đối ngoại mới mẻ hơn và mang nhiều dấu ấn cá nhân lãnh đạo rõ rệt hơn nữa trong thế kỉ 21.

CHƯƠNG II - MỘT SỐ ĐIỂM NỔI BẬT TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI HỒ CẨM ĐÀO

1. Khái quát về chính sách đối ngoại dưới thời Hồ Cẩm Đào

Đại hội toàn quốc lần thứ XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc diễn ra thành công vào cuối năm 2002. Lấy mốc là Đại hội XVI bởi tại đây, các nhà hoạch định chính sách Trung Quốc phải quyết định các quyết sách lớn để phát triển đất nước với mục đích thúc đẩy hơn nữa cải cách cơ cấu kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, cũng như đối mặt với những thách thức to lớn của toàn cầu hóa sau khi Trung Quốc gia nhập WTO năm 2001.

Do yêu cầu tiếp tục phát triển nội lực nhằm đưa Trung Quốc “trỗi dậy hòa bình” thành một cường quốc vào giữa thế kỷ 21 vẫn là mục tiêu nổi trội, vì thế dù có nhiều thay đổi bên trong, nhưng chính sách đối ngoại của Trung Quốc vẫn tỏ rõ tính liên tục và nhất quán. Về cơ bản, chính sách đối ngoại của Trung Quốc thời kì này là “hòa bình, hợp tác và mang màu sắc Trung Quốc”, đồng thời có những thay đổi mới lạ, đột phá, thể hiện dấu ấn của Hồ Cẩm Đào. Phần này khái quát lại một số điểm nổi bật trong những chính sách mới của ông Hồ.

Trước hết, Trung Quốc thời kỳ Hồ Cẩm Đào đặc biệt chú trọng *ngoại giao nước lớn*. Trong thập kỷ 1990, mặc dù Trung Quốc đã chú trọng và nhận thức được tầm quan trọng trong quan hệ giữa các nước lớn, tuy nhiên trong các văn bản chính thức thì lại luôn xếp quan hệ với các nước láng giềng lên trên các cường quốc. Khi Hồ Cẩm Đào lên nắm quyền, ông đã đặt chính sách quan hệ với các nước lớn trên thế giới lên hàng đầu, cụ thể là “ưu tiên cao nhất cho quan hệ với Mỹ và các cường quốc khác”. Hồ Cẩm Đào nhận thấy rằng với thực lực đã được củng cố và phát triển từ thời Đặng Tiểu Bình và Giang

Trạch Dân, Trung Quốc lúc này đã đủ lớn mạnh để quan hệ ngang bằng với tất cả các nước lớn khác. Trung Quốc tích cực thúc đẩy hình thành một thế giới đa cực trong đó mọi cường quốc đều cân bằng và hợp tác với nhau. Chủ tịch Hồ nhậm chức sau sự kiện 11/9/2001, trùng với thời điểm Mỹ bắt đầu can thiệp vào Iraq – việc này không chỉ ràng buộc phần lớn sức mạnh quốc gia của Mỹ, mà còn thể hiện sự thất bại của Mỹ trong việc phát triển một chiến lược hiệu quả để đơn phương khống chế toàn cầu. Nhằm điều chỉnh quan hệ với Mỹ để thúc đẩy một thế giới đa cực, chính quyền Hồ Cẩm Đào đã liên tục xây dựng một mạng lưới các đối tác chiến lược trên cả bình diện đa phương và song phương, bao gồm tất cả các cường quốc và các tổ chức khu vực trên thế giới như Nga, Pháp, Anh, ASEAN, EU, Nam Phi, Canada, Brazil, Ấn Độ, Mexico và Nhật Bản. Chiến lược này không chỉ đảm bảo mục tiêu giữ vững vị trí là một cực quan trọng trong hệ thống đa cực của Trung Quốc, mà còn là cách thức Trung Quốc cân bằng lực lượng, dùng các cường quốc khác làm đối trọng nhằm nâng cao vị thế của mình trong quan hệ song phương Mỹ - Trung.

Một chính sách nổi bật khác là Hồ Cẩm Đào đặt *quan hệ với các nước láng giềng* ở khu vực Châu Á – Thái Bình Dương ở trung tâm chính sách đối ngoại bởi vấn đề an ninh của Trung Quốc vẫn phụ thuộc vào việc giữ vững mối quan hệ tốt đẹp với các nước này. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề trong quan hệ láng giềng, mà trong đó mâu thuẫn về biên giới là một trong những vấn đề tồn tại dai dẳng và nghiêm trọng nhất. Ở phía bắc, mặc dù quan hệ Trung – Nga có vẻ phát triển tốt trong những năm gần đây, người Nga vẫn luôn lo ngại về việc Trung Quốc sẽ “đòi lại” các vùng đất thừa dân ở phía

đông nước này^{7 8}. Ở phía nam, quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc bị chi phối bởi vấn đề biên giới vẫn chưa giải quyết từ hơn 50 năm nay⁹. Ở phía đông, Trung Quốc phải đối mặt với Nhật về những tranh chấp trên vùng biển Hoa Đông giàu tiềm năng khai thác ga và khí đốt. Còn phía đông nam Trung Quốc là những quốc gia Đông Nam Á với những xung đột về chủ quyền, lợi ích trên biển Đông. Để hợp tác với các nước láng giềng và tạo nên một môi trường biên giới có lợi cho công cuộc đổi mới kinh tế, lãnh đạo Trung Quốc đã thực hiện những bước đi có chủ đích nhằm tạo nên một chính sách biên giới hợp nhất (zhoubian zhengce – chu biên chính sách), được biết đến như chính sách láng giềng hữu nghị (mulin zhengce – mục lân chính sách) kể từ những năm 1980 [64], nhắm đến mục tiêu thăm dò các nền tảng chung với các quốc gia châu Á khác trên các lĩnh vực kinh tế, an ninh và truyền tải hình ảnh của một cường quốc có trách nhiệm, sẵn sàng góp phần xây dựng ổn định và hợp tác trong khu vực. Nhằm đạt được những mục tiêu này, chính quyền Hồ Cẩm Đào đã tận dụng triệt để một loạt chính sách ngoại giao như viện trợ quốc tế, trao đổi văn hóa, gìn giữ hòa bình, tổ chức những hội nghị và ký kết các hiệp định cấp cao với các nước và các tổ chức trong khu vực.

Ngoài ra, còn có nhiều chính sách mới, đặc biệt khác trong chính sách của Hồ Cẩm Đào như ngoại giao năng lượng, ưu tiên chống khủng bố... Tuy nhiên khuôn khổ một bài luận văn không thể phân tích tất cả các chính sách này. Trong chương này, tác giả chỉ tập trung đi sâu vào hai chính sách “*phát*

⁷ Trung Quốc cho rằng những vùng lãnh thổ Sibir và Viễn Đông từ phía Đông dài Ural vốn thuộc về Trung Quốc. Tại đây, các dân tộc thiểu số du mục phía Bắc Trung Quốc thời xa xưa đã từng sinh sống, đến đời Thanh thì bị Nga chiếm đóng bất hợp pháp. Vì thế đối với Trung Quốc, việc “đòi lại” phần lãnh thổ này chỉ là vấn đề thời gian.

⁸ Theo ước tính, Nga đã xâm chiếm tổng cộng khoảng 1,6 triệu km² lãnh thổ của Trung Quốc, tương đương 1/6 tổng diện tích lãnh thổ lục địa của Trung Quốc hiện nay [38].

⁹ Ba điểm nóng về biên giới giữa Ấn Độ và Trung Quốc: Aksai Chin ở tụ điểm của biên giới ba nước Pakistan, Ấn Độ và Trung Quốc, Arunachal Pradesh, ở sát biên giới Đông Bắc của Ấn Độ và Kashmir, ở Tây Bắc Ấn Độ. Cho đến nay, Ấn Độ vẫn chưa nguôi ngoai việc Trung Quốc thời Mao Trạch Đông đã đánh chiếm Tây Tạng bằng vũ lực (1950). Những cuộc chiến tranh đẫm máu trong quá khứ tại những khu vực tranh chấp này vẫn là vết hằn lớn trong quan hệ hai nước hiện tại và tương lai.

triển hòa bình” và “*thế giới hài hòa*”. Đây là hai chính sách cốt lõi trong chiến lược xây dựng hình ảnh nước lớn có trách nhiệm và có ảnh hưởng của Trung Quốc, và cũng là hai chính sách quan trọng để phát triển sức mạnh mềm của nước này.

Trong thế kỷ mới và thời đại mới, rất nhiều nước coi Trung Quốc là nước láng giềng có mối quan hệ ổn định và hòa bình, vì cái mà Trung Quốc cần chỉ là sự hòa bình và hài hòa của thế giới. Sự ôn hòa, thận trọng và tự tin của tập thể lãnh đạo mới đã đưa ra quan niệm mới “phát triển hòa bình” và “xã hội hài hòa”. Việc đưa ra chiến lược hòa bình phát triển và quan niệm thế giới hài hòa chứng tỏ ý tưởng ngoại giao hòa bình của Trung Quốc đã phát triển và trở nên sâu sắc hơn. Trên thực tế, hai chính sách “phát triển hòa bình” và “thế giới hài hòa” luôn bổ sung, hỗ trợ cho nhau về cả cơ sở lý luận lẫn thực tiễn triển khai, cùng hướng đến một mục tiêu chung là xây dựng hình ảnh một Trung Quốc ôn hòa, đóng góp cho một thế giới hòa bình, phát triển toàn diện.

2. Cơ sở và nội dung của "Phát triển hòa bình" và "Thế giới hài hòa"

2.1. Chiến lược “Phát triển hòa bình”

Từ năm 1996, Giang Trạch Dân đã đưa ra “Khái niệm an ninh mới”, trong đó nhấn mạnh an ninh toàn diện và hợp tác đa phương trong việc giải quyết các vấn đề an ninh khu vực đánh dấu sự điều chỉnh trong tư duy và cách tiếp cận tích cực của Trung Quốc đối với tình hình quốc tế [39]. Khái niệm này đã đánh dấu một giai đoạn phát triển chiến lược mới của Trung Quốc, sau một thời kỳ dài của những “giấu mình chờ thời”, “mò mẫm tìm đường”, “dò đá qua sông” [13;63].

Về cơ sở lý luận, chiến lược “trở dậy hòa bình” (heping jueqi – hòa bình quật khởi), mà sau này là “phát triển hòa bình” (heping fazhan) của Hồ

Cẩm Đào chính là sự tiếp nối và bổ sung ở cấp cao hơn các chiến lược mà Trung Quốc đã thực hiện trước đó dưới thời Đặng, Giang. Vì sao Hồ Cẩm Đào phải điều chỉnh chiến lược này? Đó là bởi cộng đồng quốc tế không nghĩ như Trung Quốc. Từ các nước lớn, cho đến những nước láng giềng bé nhỏ bên cạnh Trung Quốc, đã e ngại và lo sợ trước sự lớn mạnh của một Trung Quốc đang trỗi dậy về tất cả các mặt: kinh tế, thương mại, quân sự, ... Những năm 90 của thế kỉ XX, các nước phương Tây thậm chí đã nêu lên thuyết "mối đe dọa Trung Quốc". Học giả người Trung Quốc Zheng Bijian đã bác bỏ thuyết này trong bài diễn thuyết tại diễn đàn Bắc Ngao (11/2003). Ông cho rằng sự trỗi dậy của Trung Quốc không nhằm mục đích tranh bá quyền hay bành trướng quân sự mà chỉ nhằm tìm ra những chiến lược để đối phó với các thách thức đặt ra từ quá trình hiện đại hóa của Trung Quốc. Ngay sau đó, khái niệm này được đưa vào chính sách đối ngoại của Trung Quốc và được các nhà lãnh đạo nước này sử dụng trên các diễn đàn quốc tế để giải thích sự can dự của Trung Quốc vào các vấn đề quốc tế, cũng như tầm quan trọng của hợp tác an ninh khu vực [3;66]. Tuy nhiên khi khái niệm này được đưa ra, luồng phản ứng nghi kỵ bản chất của chiến lược này còn mạnh mẽ hơn, rằng Trung Quốc "trỗi dậy" bao hàm cả sự bạo động xáo trộn trong quan hệ quốc tế. Vì thế đến năm 2004, chiến lược này được hoàn thiện và đổi tên thành "phát triển hòa bình". Tháng 12/2005, Văn phòng Báo chí Quốc Vụ viện Trung Quốc ra sách trắng "Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc". Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007 đề ra quan điểm "phát triển khoa học xây dựng xã hội hài hòa", khẳng định "Trung Quốc trước sau không thay đổi, đi theo con đường phát triển hòa bình" [1]. Chiến lược phát triển hòa bình cơ bản hình thành.

Nếu cơ sở lý luận là kim chỉ nam cho hành động thì cơ sở thực tiễn chính là công cụ hữu ích nhằm đánh giá tốt và rõ ràng nhất cho việc hoạch định chính sách của một quốc gia. Không chỉ để trấn an cộng đồng quốc tế, chiến lược “phát triển hòa bình” của Trung Quốc còn ra đời trong bối cảnh nước này gặp nhiều vấn đề an ninh truyền thống cả bên ngoài lẫn bên trong. Như đã trình bày tại phần 1 - Chương II, Trung Quốc hiện tại vẫn đang tranh chấp lãnh thổ ở các vùng biên giới hoặc trên biển với các nước láng giềng. Về lâu dài, Trung Quốc vẫn muốn chiếm được các đảo ở Biển Đông, “thu hồi” khu vực Nam Tây Tạng, chiếm lại đảo Điếu Ngư và Lưu Cầu từ Nhật, và “đòi lại” phần lãnh thổ đã bị Nga chiếm từ thời Thanh. Trong nội bộ đất nước, việc thống nhất Đài Loan và Ngoại Mông được coi như “sứ mệnh lịch sử của dân tộc Hoa Hạ” [38]. Dù có đạt được hay không, thì những điểm nóng này vẫn luôn là mối quan tâm thường trực của Trung Quốc và nếu không giải quyết tốt sẽ ảnh hưởng đến mục tiêu hòa bình ổn định và phát triển của nước này. Bên cạnh đó, do lo ngại về nguy cơ an ninh từ tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc, các nước láng giềng có thể bị lôi kéo tin vào “mối đe dọa Trung Quốc” từ các nước phương Tây. Do đó, Trung Quốc cần tỏ ra kiềm chế và giải quyết tranh chấp một cách hòa bình, ôn hòa.

Theo định nghĩa của Trung Quốc, “phát triển hòa bình” có nghĩa là sự phát triển của Trung Hoa gắn liền với thế giới, sự phát triển ấy chủ yếu dựa trên sức mình là chính, và không tạo ra mối đe dọa đối với thế giới. Thông điệp của Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc (10/2007) đã khẳng định rằng “Trung Quốc sẽ không bao giờ tìm kiếm lợi ích cho riêng mình bằng cái giá mà các nước khác phải trả hoặc tổng khứ những rối rắm của mình sang người khác. Chia sẻ cơ hội phát triển và cùng ra sức phấn đấu vì hòa bình và phát triển của nhân loại chính là vì lợi ích căn bản của nhân dân tất cả các

nước” [33]. Bằng cách này, Hồ Cẩm Đào đã hướng Trung Quốc ra với thế giới, gắn kết nhân dân Trung Quốc với nhân dân thế giới, coi mục tiêu phát triển trong hòa bình ổn định là mục tiêu chính của Trung Quốc trong thời gian tới.

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng đẩy mạnh tuyên truyền về thuyết “phát triển hòa bình” của mình với ba luận điểm: *Thứ nhất*, sự phát triển cân đối, hài hòa, liên tục và có cơ sở khoa học của nước này là một đóng góp lớn đối với tiến bộ của nhân loại và trật tự toàn cầu. *Thứ hai*, sự phát triển của Trung Quốc không được cản trở hay làm suy yếu sự phát triển của các nước khác, nỗ lực phát triển không được gây ra sự tiêu diệt đối thủ cạnh tranh. Ngược lại, "khi mình phát triển, hãy tạo cơ hội cho các nước khác cùng phát triển" [63]. *Thứ ba*, trong bối cảnh toàn cầu hóa, nền văn hóa Trung Quốc đang tuyên truyền về hòa bình, xã hội hài hòa, tìm kiếm điểm chung từ các bất đồng, cạnh tranh trong bối cảnh cùng tồn tại, cùng tận hưởng các thành quả của sự thịnh vượng. Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc vừa đáp ứng được các lợi ích của Trung Quốc, vừa có lợi cho toàn thế giới.

2.2. Chiến lược “Thế giới hài hòa”

Khái niệm “thế giới hài hòa” là khái niệm mở rộng của “xã hội hài hòa”, được Hồ Cẩm Đào nêu lần đầu tiên vào năm 2005. “Thế giới hài hòa” như một nét phát triển cụ thể của chiến lược “phát triển hòa bình” ra đời từ năm 2003. Nó hỗ trợ, phục vụ và đặt ra những mục tiêu cụ thể hơn cho Trung Quốc trên con đường vươn lên vị trí số 1 thế giới.

Trước hết ta nói về “xã hội hài hòa”. Thuyết “xã hội hài hòa” thực chất là sự phát triển tiếp nối của khái niệm “xã hội tiêu kang”¹⁰ được các nhà lãnh đạo

¹⁰ Khái niệm "xã hội tiêu kang" được Đặng Tiểu Bình đưa ra cuối những năm 1970 được coi là phương hướng để Trung Quốc thực hiện bốn hiện đại hóa. Đại hội XII của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chính thức sử dụng khái niệm này và coi đó là mục tiêu chiến lược của những năm cuối thế kỷ XX. Nguồn: <http://www.cpc.people.com.cn/GB/64156/64157/4418455.html>, truy cập ngày 1/4/2012.

đi trước là Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân đưa ra. Con đường mà các nhà lãnh đạo vạch ra đã đưa kinh tế Trung Quốc phát triển vượt bậc, GDP đầu người vượt ngưỡng 1.000 đô la Mỹ vào năm 2003 và đến năm 2010 thì tổng GDP vượt Nhật để trở thành nền kinh tế thứ hai thế giới [45]. Nhưng xã hội Trung Quốc không phát triển theo kịp đà tăng trưởng thần tốc của kinh tế. Những mâu thuẫn trong lòng xã hội quốc gia này ngày càng sâu sắc như mất cân đối giữa các vùng miền, chênh lệch giàu nghèo, giữa nông thôn và thành thị, ô nhiễm môi trường... Đây không phải là những vấn đề có thể giải quyết nhanh chóng, nhưng nếu không giải quyết tốt thì sẽ dẫn đến những bất ổn trong xã hội và những hậu quả nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, Hồ Cẩm Đào đưa ra khái niệm “xã hội hài hòa” nhằm mục đích cân bằng lại xã hội, giải quyết những bất đồng tồn tại và đảm bảo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế. Báo cáo chính trị của Đại hội XVII khẳng định: “... Xã hội hài hòa là thuộc tính bản chất của Chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc. Xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ lịch sử lâu dài, xuyên suốt toàn bộ quá trình của sự nghiệp xã hội chủ nghĩa đặc sắc Trung Hoa, là quá trình lịch sử và thành quả xã hội, xử lý đúng đắn các mâu thuẫn xã hội trên cơ sở phát triển” [33].

Theo Hồ Cẩm Đào, “xã hội hài hòa” được xây dựng trên ba trụ cột: sự hài hòa trong kinh tế, hài hòa trong chính trị và hài hòa trong xã hội. Về nội dung, xây dựng xã hội hài hòa thực chất là sự điều chỉnh hài hòa mối quan hệ giữa con người với con người, giữa con người và xã hội, giữa con người và thiên nhiên [44]. Một điều quan trọng nữa là thuyết “xã hội hài hòa” đã phần nào củng cố thêm cho cơ sở lý luận trong hoạch định chính sách của lãnh đạo Trung Quốc trong giai đoạn mới. Những khó khăn từ bên trong, những thách thức từ bên ngoài, những cuộc khủng hoảng về ly khai, tôn giáo... đặt ra những khó khăn cho tính chính đáng của Đảng cầm quyền. Việc kết hợp giữa thuyết

“xã hội hài hòa” dựa trên lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cơ sở đạo Nho đã góp phần giải quyết những gánh nặng ấy.

Xây dựng một xã hội Trung Quốc hài hòa không chỉ hướng đến mục tiêu giải quyết những mâu thuẫn xã hội, mà còn hướng đến những mục tiêu trong quan hệ quốc tế. Cụ thể, một khi xã hội hài hòa được xây dựng thành công ở Trung Quốc, đó sẽ là mô hình phát triển đầu tiên ở châu Á mà kết hợp được những tinh hoa của chủ nghĩa xã hội hiện đại và những bản sắc truyền thống của chính Trung Hoa. Điều này sẽ giúp Trung Quốc tăng cường sức mạnh mềm, mở rộng ảnh hưởng và nâng cao vị thế của một cường quốc hơn nữa trên trường thế giới. Chính vì thế, khái niệm “thế giới hài hòa” đã được Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đề cập tại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Liên Hợp Quốc (9/2005), và sau đó được chọn làm chủ đề chính của Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc (10/2007). “Thế giới hài hòa” mà lãnh đạo Trung Quốc muốn hướng đến là một thế giới hòa bình, phát triển đồng đều, nơi mà các cuộc xung đột hay tranh chấp đều được giải quyết bằng các biện pháp hòa bình. Ở thế giới đó, một xã hội Trung Quốc hài hòa sẽ có vai trò là một quốc gia có trách nhiệm, cùng các cường quốc khác hợp tác giải quyết các vấn đề lớn của thời đại. Luận thuyết về “thế giới hài hòa” nhấn mạnh đến khía cạnh hợp tác cũng như những chuẩn mực hành vi của các mối tương tác trong xã hội cũng như trên toàn cầu. Nó bổ sung cho lý luận “phát triển hòa bình”, xoa dịu những lo ngại về mối đe dọa Trung Quốc của cộng đồng quốc tế. Những nhà hiện thực chủ nghĩa còn lý luận rằng luận thuyết “thế giới hài hòa” xuất phát từ tư tưởng chống bá quyền, phản đối chủ nghĩa đơn phương của Trung Quốc. Nước này không hài lòng về cục diện thế giới hiện nay, mà muốn xây dựng một thế giới đa cực, trong đó Trung Quốc là một cực có quyền lực chi phối cục diện thế giới mới [3;70]. Vì thế, Trung Quốc, dưới sự lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào đang dang rộng bàn tay khắp

năm châu để chủ động tìm sự hậu thuẫn ở các khu vực khác trên thế giới. Điều đó lý giải tại sao Trung Quốc ngày càng tích cực hòa nhập vào hệ thống quốc tế, tích cực tạo lập “luật chơi” phù hợp với lợi ích của mình, với những chuẩn mực hành vi mà Trung Quốc cho là cần thiết cho một thế giới hài hòa.

Chiến lược “thế giới hài hòa” là một chiến lược đặc sắc, mang đậm dấu ấn của thời kỳ Hồ Cẩm Đào. Nét đặc sắc của chúng thể hiện ở chỗ, chúng đã kế thừa những tư tưởng hài hoà trong truyền thống văn hoá đậm nét Trung Hoa, đặc biệt là tư tưởng hài hoà của nho giáo, đạo giáo, v.v... Bên cạnh đó, lý luận xã hội hài hoà còn kết hợp nhuần nhuyễn những tinh hoa lý luận trong lịch sử tư tưởng của nhân loại, mà ở đây là ý tưởng về chủ nghĩa xã hội không tưởng, dựa trên cơ sở lý luận về xã hội hài hoà của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời kết hợp sâu sắc với thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, quá trình hiện đại hóa và quá trình cải cách mở cửa ở Trung Quốc hiện nay [6:34]. Nếu như “xã hội hài hoà” là mục tiêu, vừa là một yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn, đồng thời cũng là một chính sách quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, thì “thế giới hài hòa” là một trong những hướng tiếp cận để Trung Quốc thực hiện được mục đích vươn lên thành cường quốc số một của mình.

Cả “thế giới hài hòa” và “phát triển hòa bình” cùng vạch ra đường hướng phát triển cho Trung Quốc thời kỳ Hồ Cẩm Đào, đánh dấu sự thay đổi trong tư duy, nhận thức của lãnh đạo so với những thời kỳ trước. Trong khi Trung Quốc “nấu mình chờ thời” và “quyết không đi đầu” thời Đặng Tiểu Bình tham gia một cách bị động vào quan hệ quốc tế, thì Trung Quốc thời Giang Trạch Dân đã dần “hòa nhập với thế giới” với mong muốn xây dựng một trật tự thế giới mới. Đến khi Hồ Cẩm Đào lên nhậm chức, ông đã đánh giá lại vị trí của Trung Quốc

và điều chỉnh chính sách đối ngoại, biến Trung Quốc trở thành một thành viên tích cực của hệ thống chính trị quốc tế.

3. Thực tiễn triển khai “Phát triển hòa bình” và “Thế giới hài hòa”

3.1. Tăng cường phát triển sức mạnh mềm văn hóa quốc gia

Để xây dựng hình ảnh một nước lớn yêu hòa bình và nhanh chóng tạo dựng ảnh hưởng trên khu vực và trên thế giới, phát triển sức mạnh mềm¹¹ được xem như lựa chọn thông minh và cần thiết nhất của Trung Quốc. Trong khi tăng trưởng kinh tế và đầu tư cho quân sự của nước này - sức mạnh cứng – vẫn còn ít nhiều bị thế giới hoài nghi về mục tiêu hòa bình, thì tăng cường sức mạnh mềm là cơ sở dễ dàng hơn để thuyết phục cộng đồng quốc tế có cách tiếp cận tích cực hơn với một Trung Quốc đang nổi lên. Như một học giả đã từng nhận định: “Sự thiếu hụt của Mỹ trong khu vực lại được bù đắp bằng việc nước này sử dụng một cách thông minh sức mạnh mềm của mình, những nguồn lực giành được thông qua việc kiên trì tạo dựng hình ảnh Trung Quốc như một lãnh đạo yêu hòa bình, tương phản với hình ảnh hiếu chiến của Mỹ” [57]. Bản thân nước Mỹ chính là một ví dụ của việc tạo dựng và sử dụng thành công quyền lực này nhằm mục tiêu duy trì vị thế siêu cường, và đặc biệt là trong quan hệ với các nước khác. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc cũng cho rằng cần phải tập trung phát triển sức mạnh mềm, bởi lẽ “những quốc gia có thể phát huy tác dụng trong cộng đồng quốc tế và nhận được sự tôn trọng đều là những quốc gia có đầy đủ thực lực về cả sức mạnh cứng và sức mạnh mềm” [12;21].

¹¹ Theo Joseph Nye, sức mạnh mềm (quyền lực mềm) là “khả năng đoạt lấy thứ mình muốn thông qua sự hấp dẫn thay vì ép buộc. Nó xuất phát từ sự hấp dẫn về văn hoá, tư tưởng chính trị và các chính sách của một quốc gia.” [24:155].

Với thế mạnh văn hóa sẵn có của một nền văn minh lâu đời, Trung Quốc coi văn hóa là cửa ngõ để tiếp cận các nguồn lực khác. Trong văn kiện đại hội 17 năm 2007, Đảng Cộng sản Trung Quốc nhấn mạnh “trong thời đại hiện nay, vai trò của văn hoá trong cạnh tranh sức mạnh tổng hợp của đất nước ngày càng tăng. Ai chiếm cứ được đỉnh cao của phát triển văn hoá, người đó có thể nắm quyền chủ động trong cuộc cạnh tranh quốc tế khốc liệt này” [1]. Bản thân luận thuyết “thế giới hài hòa” đã kế thừa những giá trị đúc kết trong đạo Nho, đạo Khổng, kết hợp nhuần nhuyễn với những lý luận từ kho tàng triết học và văn hóa chính trị truyền thống để trở thành một chiến lược trong chính sách đối ngoại của Trung Hoa. Cụ thể, tư tưởng “hòa mà không đồng” mà Khổng Tử nêu ra hơn 2000 năm trước là một trong những kết tinh quý báu của trí tuệ chính trị mấy nghìn năm của Trung Quốc, có ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với mối quan hệ giữa các quốc gia, các nền văn hóa khác nhau. Hơn nữa, việc tuyên truyền những tư tưởng văn hóa, chính trị Nho giáo sẽ có hiệu quả đặc biệt lớn đối với khu vực Đông Á, nơi các quốc gia láng giềng của Trung Quốc từ lâu đã chia sẻ nền tảng tư tưởng đạo Nho, đạo Khổng. Trung Quốc tích cực xây dựng các Viện Khổng Tử ở các nước để truyền bá tư tưởng và giao lưu văn hóa. Cho đến nay, có khoảng hơn 300 Viện Khổng Tử và Lớp học Khổng Tử đã thành lập tại 81 nước và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Con số này tại châu Á là 90 Viện Khổng Tử tại 26 quốc gia và vùng lãnh thổ [55].

Bên cạnh việc tăng cường thiết lập các Viện Khổng Tử, Trung Quốc còn cấp học bổng cho học sinh các nước đến Trung Quốc học tập, trong đó dành nhiều ưu tiên cho khu vực Đông Nam Á. Số liệu thống kê cho thấy, trong những năm gần đây, Trung Quốc gia tăng mạnh việc trao đổi sinh viên với các nước trong khu vực, nhận và tài trợ cho một số lượng đông đảo sinh

viên từ các nước này sang học ở Trung Quốc, tích cực tham gia các hoạt động giao lưu văn hoá nghệ thuật trong khu vực. Gần đây, Trung Quốc đã cung cấp cho các nước Tiểu vùng sông Mêkông 1000 suất học bổng trong 5 năm và viện trợ cho các nước này nhiều kinh phí cho việc đào tạo Hán ngữ [56]. Hợp tác văn hóa cũng là một phần quan trọng trong quan hệ giao lưu văn hóa với các nước. Nghệ thuật và văn hóa truyền thống của Trung Quốc như thư pháp, hội họa, võ công, kinh kịch, phim ảnh, thậm chí cả ẩm thực và trang phục truyền thống... đã có mặt từ lâu trong đời sống của người dân châu Á, có những nét hấp dẫn thu hút riêng.

3.2. Xây dựng hình ảnh một cường quốc có trách nhiệm

Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, nhưng cục diện “ngoại giao lớn” đáng ra phải xuất hiện thì vẫn chưa rõ ràng. Trung Quốc vẫn đang nỗ lực xây dựng hình ảnh một nước lớn với nền ngoại giao lớn, mà một trong những cách để đạt được mục tiêu đó là tạo dựng uy tín một cường quốc có trách nhiệm. Trong chiến lược xây dựng “thế giới hài hòa” của mình, Trung Quốc vẽ ra hình ảnh một xã hội Trung Quốc hài hòa là một nước lớn có trách nhiệm, cùng các cường quốc khác hợp tác giải quyết các vấn đề lớn của thời đại. Xây dựng hình ảnh một nước lớn có trách nhiệm (fuzhenren de daguo – phụ trách nhân đích đại quốc), theo các nhà lãnh đạo Trung Quốc, có nghĩa là: “Lợi ích an ninh và lợi ích kinh tế của Trung Quốc phụ thuộc chủ yếu vào sự tương tác với thế giới bên ngoài, vì thế Trung Quốc phải tham gia tích cực hơn vào quan hệ quốc tế, điều này ngụ ý rằng Trung Quốc cần phải đạt được điều gì đó cũng như cần phải chung vai chung sức gánh trách nhiệm” [31;58]. Để trở thành cường quốc có trách nhiệm, Trung Quốc cần đóng một vai trò quan trọng trong đời sống quốc tế cũng như đóng góp cho sự phát triển, ổn định và thịnh vượng của khu vực và thế giới. Trung

Quốc cũng cần có nghĩa vụ quốc tế tích cực hơn nữa và cần tham gia vào những thể chế, cam kết quốc tế. Có thể nói dưới thời Hồ Cẩm Đào, Trung Quốc đã chuyển mình, từ một kẻ đứng ngoài (outsider) trở thành một thành viên có trách nhiệm (responsible stakeholder) trong mọi vấn đề quốc tế [22;12].

Quá trình Trung Quốc tham gia các tổ chức, thể chế quốc tế là rõ ràng và có hiệu quả. Nếu như tại thời điểm năm 1966, Trung Quốc không tham gia vào một tổ chức quốc tế nào thì đến nay nước này đã là thành viên của hơn 50 tổ chức khu vực và quốc tế. Tính đến năm 2004, Trung Quốc đã tham gia 266 công ước đa phương quốc tế và hầu hết các tổ chức liên chính phủ trên thế giới [22;17]. Ở Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, Trung Quốc luôn cố gắng phát huy vai trò của một thành viên thường trực. Ở châu Á, nước này đã đóng góp cho việc giảm căng thẳng và xung đột khu vực thông qua việc thành lập và tham gia các tổ chức, cơ chế, diễn đàn khu vực như Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO), Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF), Diễn đàn Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS), ASEAN +3,... Khi tham gia vào những sân chơi quốc tế và khu vực này, Trung Quốc tỏ rõ ý chí sẵn sàng tuân thủ luật chơi chung, các cam kết chung. Một khi đã hòa nhập vào hệ thống quốc tế và các thể chế, Trung Quốc sẽ càng cảm thấy mình thuộc về hệ thống đó. Bên cạnh đó, mặc dù là người đến sau, nhưng Trung Quốc dần chủ động trong việc tạo lập “luật chơi” phù hợp với lợi ích của mình chứ không đơn giản chấp nhận luật chơi do các nước lớn khác đặt ra. Điều này phản ánh sự tự tin của Trung Quốc trong vai trò là một cường quốc, một cực quan trọng của thế giới đa cực đang đóng góp xây dựng và hoàn thiện một hệ thống quan hệ quốc tế hiện đại, một “thế giới hài hòa” như mục tiêu nước này hướng đến.

Không chỉ tham gia vào các diễn đàn đa phương và các tổ chức quốc tế, Trung Quốc còn thể hiện trách nhiệm trong việc chung tay giải quyết các vấn đề an ninh quốc tế, các điểm nóng của thế giới. Sau vụ khủng bố 11/9/2001 tại Mỹ, chính quyền Hồ Cẩm Đào đã nhấn mạnh Trung Quốc “tham gia chống khủng bố dưới mọi hình thức”. Ưu tiên này trước hết là để đảm bảo an ninh của chính Trung Quốc. Cho đến nay những nguy cơ khủng bố chưa xuất hiện tại Trung Quốc, nhưng chúng đến từ những nước láng giềng xung quanh. Trung Quốc chia sẻ đường biên giới với Pakistan, nơi thường xuyên diễn ra những cuộc khủng bố, đánh bom chết chóc của tổ chức hồi giáo cực đoan Taliban. Nước láng giềng của Pakistan là Afghanistan, nơi được coi là “cái nôi” của chủ nghĩa khủng bố, nơi mà trước đây Taliban đã chứa chấp tổng hành dinh của ông trùm khủng bố Osama bin Laden và mạng lưới Al-Qaeda. Một láng giềng khác của Trung Quốc là Ấn Độ cũng đã giống lên hồi chuông báo động khủng bố sau cuộc thảm sát ở Mumbai cuối năm 2008. Về phía Nam, khu vực Đông Nam Á đã xuất hiện nhiều tổ chức khủng bố mang sắc thái khác nhau với mạng lưới dày đặc. Hơn nữa, láng giềng phía Bắc Trung Quốc là Triều Tiên đã bất chấp sự phản đối của cộng đồng quốc tế để theo đuổi chương trình vũ khí hạt nhân. Những nguy cơ khủng bố gián tiếp từ những nước láng giềng buộc Trung Quốc phải có chính sách phù hợp và kịp thời để bảo vệ an ninh quốc gia.

Hợp tác chống khủng bố cùng cộng đồng quốc tế là một hành động đúng đắn và đúng hướng, bởi đây là một vấn đề toàn cầu. Trung Quốc nhận thấy cần phải hợp tác với Mỹ - quốc gia đi đầu trong cuộc chiến chống khủng bố quốc tế, cũng như hợp tác với các nước khác, đặc biệt là các nước láng giềng để ngăn chặn nguy cơ khủng bố. Trên thực tế, Trung Quốc tham gia hợp tác an ninh dưới nhiều hình thức: vừa tham gia cơ chế và các diễn đàn an ninh đa phương,

vừa tích cực tham gia các cuộc thảo luận an ninh song phương và đối thoại an ninh phi chính phủ. Trung Quốc cũng sẵn sàng làm trung gian các cuộc đối thoại an ninh. Trung Quốc đã thiết lập cơ chế đối thoại an ninh với các nước lớn trên thế giới, đặc biệt là với các nước láng giềng, thông qua các cuộc thương lượng định kỳ với các bên để thực hiện các mục tiêu an ninh chung, ký kết các hiệp định về hợp tác chống khủng bố. Bên cạnh đó, Trung Quốc cũng tích cực tham gia vào hơn 20 lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc, tham gia giải quyết vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên, Iran... Năm 2011, nước này đã cùng với Kyrgyzstan và Tajikistan - các nước thành viên Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) - tổ chức một cuộc diễn tập chống khủng bố quy mô lớn tại Kashi, thuộc khu tự trị Tân Cương¹². Với những hành động thực tế chủ động và tích cực, Trung Quốc ngày càng chứng tỏ quyết tâm “chống khủng bố dưới mọi hình thức” và thể hiện vai trò một nước lớn trong các vấn đề quốc tế.

Trung Quốc không còn “thao quang dưỡng hõ” (ẩn mình chờ thời) như dưới thời Đặng Tiểu Bình nữa, mà đã chuyển hẳn sang “sở hữu tác vi, đại hữu tác vi” (nắm lấy thời cơ). Với những chính sách vươn ra thế giới như hợp tác chống khủng bố, Trung Quốc tỏ ý sẵn sàng đóng một vai trò lớn hơn và có thể là xây dựng hơn trong các vấn đề toàn cầu như đã nêu trong “Quan điểm Hồ Cẩm Đào về thời đại” – gồm 5 luận điểm về “*sự thay đổi sâu sắc (trong bối cảnh thế giới), xây dựng một thế giới hài hoà, cùng phát triển, chia sẻ trách nhiệm và sự tham gia một cách nhiệt tình (vào các công việc toàn cầu)*”[48]. Việc Trung Quốc sẵn sàng gánh vác trách nhiệm chung đối với những nghĩa vụ

¹² Cuộc tập trận diễn ra ngày 13/5/2011.

toàn cầu cho thấy quốc gia này đã sẵn sàng trở thành một “cổ đông có trách nhiệm”¹³ trên thế giới.

3.3. Tạo dựng ảnh hưởng trong khu vực và trên thế giới

Gây dựng ảnh hưởng là một trong những chính sách đặc thù của Trung Quốc từ thời cổ đại. Vốn là một “nền văn minh dưới lốt của một quốc gia” [27;58], Trung Quốc luôn coi mình là trung tâm của thế giới, và các nhà lãnh đạo thời hiện đại gánh trên vai nhiệm vụ đưa quốc gia trở lại vị trí trung tâm này. Đã ở vị trí trung tâm thì phải lan tỏa ảnh hưởng ra các nước xung quanh. Mục tiêu này không chỉ phục vụ chiến lược “phát triển hòa bình”, thu hút các nước có cái nhìn thiện cảm với Trung Quốc; mà còn để cạnh tranh ảnh hưởng với cường quốc số một hiện tại – Hoa Kỳ. Trong bối cảnh Mỹ tuyên bố sẽ “trở lại châu Á” sau gần một thập niên sa lầy ở Trung Đông, Trung Quốc cần tăng cường mở rộng hơn nữa phạm vi ảnh hưởng của mình, trước hết là ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương.

Trung Quốc đã khẳng định sự phát triển của Trung Quốc không đe dọa bất kỳ quốc gia nào, ngược lại, nó có lợi cho hòa bình, ổn định của khu vực. Để chứng minh cho thuyết “phát triển hòa bình” của mình, Trung Quốc đã mạnh tay đầu tư và hỗ trợ tài chính cho các nước nghèo và các nước đang phát triển, nhằm mục tiêu giảm khoảng cách chênh lệch Nam – Bắc, đảm bảo mọi quốc gia phát triển kinh tế đồng đều. Có thể lấy ví dụ Trung Quốc đã tài trợ hàng tỉ nhân dân tệ cho Châu Phi, từ dự án lớn nhất như Trung tâm hội nghị của Liên minh châu Phi ở thủ đô Addis Abeba (Ethiopia) đến dự án nhỏ nhất như trạm xá ở Liberia... Tại châu Á, Trung Quốc là nền kinh tế lớn nhất trong khu vực – đây là một trong những yếu tố giúp cho kinh tế châu Á giữ vững đà tăng

¹³ 12/2005, Phó Ngoại trưởng Mỹ Robert Zoellick trong một bài phát biểu của mình đã kêu gọi Trung Quốc trở thành một “cổ đông có trách nhiệm” (responsible stakeholder) [18].

trường vài năm trở lại đây. Trong khu vực, các quốc gia Đông Nam Á là nơi Trung Quốc rót vốn đầu tư nhiều nhất, đặc biệt kể từ khi Hiệp định thương mại tự do ASEAN – Trung Quốc bắt đầu có hiệu lực (1/1/2010). Hiện tại, Trung Quốc trở thành đối tác thương mại lớn nhất của nhiều nước Đông Nam Á. Tại khu vực này, tổng số viện trợ của Trung Quốc đã vượt Hoa Kỳ¹⁴. Bên cạnh đó, Trung Quốc đã lập một quỹ đầu tư trị giá 10 tỷ USD để rót vào các dự án trong lĩnh vực xây dựng, thông tin liên lạc và năng lượng [47]. Một hệ thống đường giao thông hiện đại và những cơ sở liên kết khác đang được xây dựng giúp nối Trung Quốc với các nền kinh tế ASEAN. Nếu như Mỹ tiếp cận Đông Nam Á bằng cách chú trọng dân chủ và những mục tiêu lộ rõ tham vọng thúc đẩy các lợi ích an ninh của Mỹ, thì Trung Quốc được hoan nghênh hơn do không đặt các điều kiện đi kèm như phải cải cách dân chủ, mở cửa thị trường hay bảo vệ môi trường. Thay vào đó Trung Quốc sử dụng chính sách “không can thiệp vào công việc nội bộ” đối với các nhà nước trong khu vực, đồng thời sẵn sàng nhận các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, năng lượng là những lĩnh vực mà các nhà đầu tư khác ít hứng thú [7;60]. Bằng cách đó, Trung Quốc cố gắng tạo dựng nên hình ảnh là đối tác đáng tin cậy đối với các nước láng giềng Đông Nam Á, lấy đó là bước đệm để gia tăng ảnh hưởng ở cả Châu Á.

Bên cạnh đó, Trung Quốc còn thuyết phục các nước xung quanh bằng chính sách ngoại giao láng giềng theo phương châm mà thủ tướng Ôn Gia Bảo đã vạch ra vào năm 2003: “Mục lân, an lân, phú lân, thiện lân”. Có nghĩa là xây dựng quan hệ với hàng xóm thân thiện, hòa bình, cùng phát triển, hàng xóm giàu – mình cũng giàu, hàng xóm nghèo – mình cũng nghèo. Hồ Cẩm Đào nhấn mạnh rằng hòa bình phát triển là sự lựa chọn duy nhất và hợp lý của

¹⁴ Năm 2006, viện trợ của Trung Quốc cho Phillipines đã gấp 4 lần của Mỹ dành cho nước này, trong khi lượng viện trợ dành cho Lào của Trung Quốc cũng gấp 3 lần viện trợ của Mỹ. Trung Quốc đang được coi là “nhà bảo trợ kinh tế chính” của Campuchia, Lào và Myanma – ba quốc gia nhỏ nhưng quan trọng về mặt chiến lược [55].

Trung Quốc, đó là truyền thống lâu ập ủ của người dân Trung Quốc để thúc đẩy xây dựng quan hệ hài hòa và thân thiện với láng giềng: “Người dân Trung Quốc đã phải chịu nhiều mất mát trong lịch sử hiện đại, và do đó chúng tôi coi trọng giá trị của hòa bình, ổn định, hòa hợp và tự do hơn bất cứ thứ gì khác. Một Trung Quốc thịnh vượng và phát triển hòa bình và sẵn sàng hợp tác và có đóng góp lớn hơn cho sự nghiệp theo đuổi hòa bình và phát triển của toàn nhân loại” [37]. Có thể thấy rằng “phát triển hòa bình” và “thế giới hài hòa” đã được nâng lên thành ý chí của quốc gia, là sự lựa chọn chiến lược đúng đắn của quốc gia đông dân nhất thế giới này.

Không chỉ tạo dựng ảnh hưởng với các nước láng giềng bằng con đường hợp tác về kinh tế, Trung Quốc còn cố gắng giải quyết những mâu thuẫn, xung đột về an ninh, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với các nước láng giềng. Điều này xuất phát từ “khái niệm an ninh mới” thời kỳ Giang Trạch Dân (mà sau này thuyết “phát triển hòa bình” kế thừa): lấy việc xây dựng “tin cậy lẫn nhau, cùng có lợi, bình đẳng, hợp tác” làm hạt nhân, chủ trương thông qua đối thoại tăng thêm tín nhiệm lẫn nhau, thông qua hợp tác xúc tiến an ninh chung [4;35]. Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào từng bước tiến hành giải quyết căng thẳng biên giới với láng giềng như Nga, Kazakhstan, Lào, Tajikistan, Ấn Độ và Việt Nam. Trong đàm phán, các hiệp định, thỏa thuận, đôi khi Trung Quốc có những nhượng bộ nhất định, nhận một nửa hoặc ít hơn diện tích khu vực lãnh thổ có tranh chấp¹⁵. Trong các vấn đề nhạy cảm như chủ quyền trên Biển Đông, Trung Quốc đưa ra chủ trương “gác lại tranh chấp cùng khai thác” [2;32]. Trung Quốc cùng các nước ASEAN đã ký kết “Tuyên bố về cách ứng xử Biển Đông” (DOC) năm 2002. Sau nhiều năm đàm phán,

¹⁵ Khi giải quyết tranh chấp về vùng núi Tamir mà Tajikistan kế thừa Liên Xô cũ, Trung Quốc chấp nhận nhận lại 1000km² trên tổng số 28000 km² đã mất [35].

thỏa thuận, cuối cùng “Bản Thỏa thuận về hướng dẫn thực thi DOC” đã được đưa ra năm ngoái tại hội nghị ở Indonesia. Hiện nay các bên đang hướng đến việc soạn thảo và ký kết “Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông” (COC). Đây là cơ hội để Trung Quốc chứng tỏ thành ý “mục lân, an lân”, tạo dựng niềm tin cũng như đáp ứng được kỳ vọng của các nước láng giềng về một khu vực hòa bình, ổn định.

Tiểu kết

Chính sách đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào được kế thừa từ những chính sách của Đặng Tiểu Bình, Giang Trạch Dân, nhưng hoặc được hoàn thiện, hoặc được điều chỉnh cho phù hợp với thời cuộc. Trên hết, nó thể hiện sự thay đổi trong tư duy chiến lược của lãnh đạo Trung Quốc. Những chính sách “phát triển hòa bình”, “thế giới hài hòa” đã đánh dấu bước chuyển tâm lý, tư duy của Trung Quốc từ trạng thái tâm lý của nạn nhân (victim mentality) đã chịu đựng một thế kỷ bị phương Tây sỉ nhục sang trạng thái tâm lý của một cường quốc (great power mentality) [19]. Tư duy mới cũng thể hiện rõ nét sự tự tin của Trung Quốc cũng như dự đoán của lãnh đạo về thời kỳ cơ hội chiến lược: “Trung Quốc có thể vươn lên nắm lấy ngọn cờ, tranh thủ tập hợp lực lượng, thực hiện mục tiêu nhất quán và xuyên suốt của Trung Quốc từ khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là trở thành cường quốc thế giới, một cực quyền lực chi phối cục diện quan hệ quốc tế” [5;48]. Tư duy này còn cho thấy giới lãnh đạo Trung Quốc đã lựa chọn công cụ “sức mạnh thông minh” – sự kết hợp giữa “sức mạnh cứng” (phát triển kinh tế, quân sự, an ninh) với “sức mạnh mềm” (lịch sử tư tưởng văn hóa lâu đời).

Đối với Trung Quốc với cương vị một cường quốc đang lên, việc thực thi một sách lược ngoại giao chủ động đã mang tính bắt buộc, chứ không còn

là mong muốn viễn vông. Vì thế nước này đã và đang tham gia ngày càng chủ động và quyết đoán trong các vụ việc quốc tế. Các học giả phương Tây cho rằng Trung Quốc vừa là quốc gia “giữ nguyên trạng” (status-quo state), vừa là quốc gia “xét lại” (revisionist state) tùy vào từng vấn đề [23;288]. Mặc dù khi tham gia vào các tổ chức quốc tế, diễn đàn đa phương, Trung Quốc ủng hộ tính nguyên trạng của các chuẩn tắc, hành xử trong các vấn đề như chủ quyền quốc gia, cơ chế an ninh kiểm soát vũ khí quốc tế...., nhưng nước này vẫn chủ trương thay đổi trong các vấn đề về chia sẻ quyền lực, vị thế quốc tế và biên giới lãnh thổ. Nhận thức và quan điểm tích cực về quan hệ quốc tế của thế hệ lãnh đạo thứ tư đã tác động tích cực tới chiến lược ngoại giao của Trung Quốc, “từ kẻ thách thức nguyên trạng châu Á... tới vai trò người đảm bảo trật tự khu vực, ít nhất trong thời điểm hiện tại” [30;4]. Chính nhận thức và sự thay đổi trong tư duy đã hình thành tư tưởng “hài hòa”, “hòa bình” trong chiến lược đối ngoại của Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào.

CHƯƠNG III - ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI TRUNG QUỐC DƯỚI THỜI HỒ CẨM ĐÀO

1. Một số thành tựu

Trong gần một thập kỷ qua, khi Mỹ phần nào “lơ là” vai trò của mình tại Châu Á – Thái Bình Dương thì Trung Quốc đã thành công trong việc lấp khoảng trống quyền lực tại khu vực này, đặc biệt là khu vực Đông Nam Á. Sức mạnh mềm đã trở thành nam châm hút các quốc gia này đi theo hướng của Trung Quốc, ủng hộ hệ giá trị mà Trung Quốc xác lập. Nghị sĩ Mỹ Dana Rohrabacher, thành viên cấp cao trong Ủy ban Đối ngoại Quốc hội Mỹ, đã thẳng thắn thừa nhận ảnh hưởng to lớn của Trung Quốc tại đây: “Trung Quốc là một đất nước tìm kiếm việc trở thành một đế chế khuếch trương ảnh hưởng và sự thống trị trong cả khu vực, đặc biệt là Đông Nam Á” [60]. Ảnh hưởng chính trị tăng lên nhờ vào sự thúc đẩy các quan hệ ngoại giao, kinh tế - thương mại, đầu tư, giáo dục, văn hóa... Từ Đông Nam Á, Trung Quốc dần dần trải rộng ảnh hưởng của mình lên nhiều khu vực khác trên thế giới.

Tổng thương mại của Trung Quốc với khu vực Đông Nam Á đạt 362.3 tỉ USD năm 2011, tăng từ 193 tỉ USD năm 2008 [51]. Trong khi đầu tư trực tiếp của Bắc Kinh với Đông Nam Á vẫn còn kém xa so với Mỹ và Nhật Bản, thì viện trợ trực tiếp từ đại lục với khu vực lại lớn hơn. Không chỉ dừng lại ở Đông Nam Á, Trung Quốc còn đầu tư đến Trung Đông. Các quốc gia Arab hiện là đối tác thương mại lớn thứ 6 của Trung Quốc. Tại Trung Đông, và đặc biệt là ở vùng Vịnh Pécxích (Persian Gulf), Trung Quốc không còn bị xem là nước chỉ cung cấp hàng tiêu dùng giá rẻ mà là một khách hàng lớn về dầu mỏ. Cơ quan năng lượng quốc tế dự báo “lượng nhập khẩu dầu mỏ của Trung Quốc từ Trung Đông sẽ tăng ít nhất lên 70% vào năm 2015, cho thấy triển

vọng duy trì tăng trưởng kinh tế cao của Trung Quốc liên quan chặt chẽ tới "vận mệnh" của Trung Đông" [41].

Trung Quốc cũng đánh dấu sự hiện diện của mình tại Châu Phi. Trong 10 năm qua, khối lượng đầu tư của Trung Quốc vào châu Phi đã tăng gấp 15 lần, khối lượng thương mại và hợp tác kinh tế đạt 160 tỷ USD [61]. Tại đây Trung Quốc không chỉ thực hiện các dự án kinh tế, đầu tư vào lĩnh vực xây dựng, nông nghiệp và khai thác khoáng sản mà còn tích cực xây dựng cơ sở hạ tầng và xã hội. Kể từ năm 2011, Trung Quốc bắt đầu cung cấp cho châu Phi các công nghệ để sản xuất thiết bị rẻ hơn giành cho sự phát triển những ngành kinh tế mới [26;78].

Cùng với sức ảnh hưởng ngày càng gia tăng của nền kinh tế mới, chính sách ngoại giao văn hóa mềm dẻo của Trung Quốc cũng phát huy tác dụng. Trong hơn một thập kỷ qua, hình ảnh của Trung Quốc đã được cải thiện rõ rệt trong tâm lý người dân các nước châu Á. Một cuộc thăm dò ý kiến do Cơ quan Nghiên cứu của Bộ Ngoại giao Mỹ tiến hành vào tháng 7 và 8/2009 cho thấy hình ảnh của Trung Quốc nhìn chung là tích cực ở Nhật Bản và Hàn Quốc. Đa số những người được hỏi ý kiến - 54% ở Nhật Bản và 68% ở Hàn Quốc - hoàn toàn có thiện chí với Trung Quốc, công nhận đóng góp của nước này vào ổn định và hòa bình ở khu vực Đông Á. 67% người Hàn Quốc coi sự phát triển kinh tế của Trung Quốc có tác động tích cực đến nền kinh tế Triều Tiên [11;63]. Thiện cảm đối với Trung Quốc ngày càng tăng ở các nước Đông Nam Á. Một cuộc thăm dò dư luận của đài BBC cuối năm 2009 cho thấy, có tới 70% người dân Philippines và 68% người Indonesia được hỏi có cái nhìn tích cực về Trung Quốc. Hơn 2/3 người Thái Lan được hỏi coi Trung Quốc là "người bạn thân nhất" của Thái Lan trong khi chỉ có 9% số ủng hộ Mỹ [20;26].

Trong việc giải quyết các vấn đề nóng của khu vực, Trung Quốc đã có những phản ứng, động thái ôn hòa, thể hiện vai trò tích cực của một nước lớn. Đối với những tranh chấp trên Biển Đông với các nước Đông Nam Á, năm 2011, các bên đã đồng thuận với “Bản Thỏa thuận về hướng dẫn thực thi DOC”. Đây là một bước tiến lớn trên con đường tìm ra tiếng nói chung giữa Trung Quốc và ASEAN, nhất là Bản thỏa thuận được phê duyệt sau gần 10 năm kể từ khi “Tuyên bố về cách ứng xử Biển Đông” (DOC) được ký kết năm 2002. Quan hệ với các nước lớn như Nga, Nhật Bản cũng được cải thiện ngày càng tích cực, bởi những nước này cũng có mong muốn giữ gìn và thúc đẩy quan hệ tốt đẹp với Trung Quốc.

Với Mỹ, Trung Quốc vẫn tiếp tục duy trì quan hệ vừa hợp tác vừa cạnh tranh. Trong cuốn “Chiến lược cường quốc của Trung Quốc”, Trưởng ban nghiên cứu Đông Á, Trung tâm nghiên cứu kinh tế Nhật Bản cho rằng, điều mà Trung Quốc cảnh giác nhất là sự va chạm với Mỹ, vì thế cần phải tăng cường mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau về kinh tế, các vấn đề như an ninh Đông Á, vấn đề Đài Loan để tránh đối kháng trực tiếp [10;87]. Về mặt chiến lược, Trung Quốc nhấn mạnh chủ nghĩa phối hợp, chủ nghĩa đa phương, hợp tác khu vực, tạo dựng môi trường bên ngoài có lợi, xây dựng cơ chế tồn tại cùng phụ thuộc, hợp tác dưới khẩu hiệu các bên cùng thắng. Nói cách khác, đây là sách lược “lấy nhu thắng cương” để tránh sự phản công của Mỹ [8;69].

Với những sự điều chỉnh chính sách đối ngoại đúng đắn, hợp lý, quan hệ song phương của Trung Quốc với các nước lớn trong khu vực và trên thế giới đã được cải thiện rất nhiều. Sự tham gia tích cực hơn của Trung Quốc vào các vấn đề quốc tế sẽ không ảnh hưởng tới mô hình phát triển của nước này, và bảo đảm Trung Quốc có thể tiếp tục con đường tiến lên phía trước mà không cần gây ra những xung đột, va chạm như các cường quốc mới nổi trước

đây từng gặp phải. Các hành động thực tế như tham gia giải quyết vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên, Iran và các cuộc xung đột sắc tộc... gần đây cho thấy, Trung Quốc đang mềm hoá nguyên tắc “không can thiệp vào công việc nội bộ nước khác”, góp phần vào việc thúc đẩy hoà bình và sự phát triển của nhân loại.

Tóm lại, nhờ chính sách đối ngoại đổi mới đặc sắc mang dấu ấn cá nhân Hồ Cẩm Đào, hình ảnh của Trung Quốc đã được cải thiện, trở nên thân thiện hơn đối với thế giới, giúp cho nước này mở rộng các quan hệ và đưa các quan hệ mới cũng như quan hệ với nhiều cường quốc đi vào chiều sâu, có lợi cho sự phát triển mọi mặt của nước này.

2. Một số hạn chế

Chiến lược “phát triển hòa bình” và “thế giới hài hòa” đã có những tác động tích cực, nhưng cũng cho thấy một số hạn chế nhất định, cả nội tại Trung Quốc lẫn trên bình diện quốc tế.

2.1. Hạn chế bên trong

Năm 2005, Chủ tịch Hồ Cẩm Đào đưa ra khái niệm “xã hội hài hòa” nhằm mục đích cân bằng lại xã hội, giải quyết những bất đồng tồn tại và đảm bảo môi trường ổn định cho phát triển kinh tế. Đây là mục tiêu và ước mơ mà Trung Quốc vươn tới, là nền tảng để xây dựng thế giới hài hòa. Tuy nhiên đến nay, Trung Quốc vẫn đang phải đối phó với những hậu quả do tăng trưởng nóng đem lại.

Trước tiên là việc các nhà lãnh đạo Trung Quốc sắp phải đối mặt với tình trạng nền kinh tế không thể tiếp tục tăng trưởng với tốc độ hơn 10%¹⁶. Thứ hai, cùng với tăng trưởng quá nhanh và mạnh, chênh lệch giàu nghèo

¹⁶ Năm 2011, lần đầu tiên kể từ khi trở dậy, Trung Quốc chứng kiến tăng trưởng kinh tế giảm xuống mức 8%, thậm chí là 7% [36].

giữa các vùng miền, sự khác biệt trong trình độ phát triển bắc – nam, đông – tây ngày càng lớn, tất yếu sẽ nảy sinh những bất ổn xã hội không thể giải quyết trong một sớm một chiều. Thứ ba, tăng trưởng nóng còn gây ra cho Trung Quốc một vấn đề lớn là ô nhiễm môi trường. Hàng trăm nghìn người dân Trung Quốc phải gánh chịu hậu quả là bệnh tật (bệnh hô hấp, ung thư...) và giảm tuổi thọ. Ô nhiễm môi trường cũng là một nguyên do dẫn đến sự bất bình, chống đối của người dân, khi chính phủ Trung Quốc cố giấu diếm những số liệu và sự thật về mức độ ô nhiễm của nước này.

Một cản trở lớn nữa của nội tại Trung Quốc trên con đường xây dựng “xã hội hài hòa” đó là những cuộc biểu tình, chống đối chủ trương, chính sách của dân chúng, đặc biệt thường thấy ở Tây Tạng, Tân Cương hay Nội Mông. Người dân ở những nơi này biểu tình lên án sự chênh lệch giàu nghèo, mất tự do về tôn giáo, tư tưởng và ngôn luận, hay chống đối những dự án khai thác thiên nhiên làm ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến cuộc sống của họ. Chính phủ Trung Quốc cũng chưa thực sự có những cách giải quyết ôn hòa, phù hợp để xoa dịu lòng dân. Thay vào đó là nhiều cuộc đàn áp bằng vũ lực, dẫn đến những mối rạn nứt giữa các dân tộc, và làm giảm niềm tin vào chính quyền. Bên cạnh đó, chính phủ Trung Quốc còn kiểm soát các phương tiện thông tin đại chúng và việc truy cập internet của người dân. Qua đó, những vấn đề nhạy cảm có thể dẫn đến làn sóng phản đối chính quyền sẽ bị che đậy hoặc làm giảm mức độ. Điều này cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính chính đáng của đội ngũ lãnh đạo và Đảng cầm quyền, làm giảm tính thuyết phục của chính sách đối ngoại, làm giảm lòng tin của công luận thế giới đối với ngọn cờ mà Trung Quốc đang giương cao.

2.2. Hạn chế trong quan hệ đối ngoại

Những quan ngại về một Trung Quốc hung hăng, hiếu chiến vẫn tồn tại và đôi khi lại dấy lên bởi những hành động thiếu kiềm chế của Trung Quốc. Năm 2010 bị coi là một năm thất bại trong chính sách ngoại giao của Bắc Kinh với những sự kiện nóng như: gây hấn trên Biển Đông, bắt giữ hàng trăm ngư dân Việt Nam gần quần đảo Hoàng Sa mà Trung Quốc đã chiếm giữ, và quấy rối các tàu của Việt Nam và Philippines đang tiến hành khảo sát địa chấn ở khu vực Bắc Kinh nhận chủ quyền [42]. Trung Quốc còn gây căng thẳng không cần thiết với Ấn Độ liên quan đến các vấn đề biên giới, với Hàn Quốc qua việc im lặng không chỉ trích Bình Nhưỡng trong vụ Bắc Triều Tiên đánh chìm tàu Cheonan, với Nhật Bản qua sự cố va chạm tàu gần quần đảo Điếu Ngư, và còn nhiều hơn với những “cuộc chiến mạng” mà Bắc Kinh che đậy [50].

Bên cạnh đó, Trung Quốc còn phải đối mặt với “tình trạng lưỡng nan về an ninh”. Những năm gần đây nước này liên tục tăng cường chi tiêu cho quân sự - với lý giải để hỗ trợ, đảm bảo an ninh cho quốc gia và khu vực. Trung Quốc giờ đây là nước đứng hai thế giới về chi tiêu quân sự, vượt qua Nhật Bản trong năm 2007 trở thành nước chi tiêu quốc phòng lớn nhất châu Á và sau đó vượt Anh, thay thế vị trí thứ hai thế giới năm 2008 [28;36]. Chi tiêu cho quốc phòng của Trung Quốc bằng tất cả chi tiêu quân đội Đông Nam Á gộp lại và gần gấp ba lần Ấn Độ [49]. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc đã tăng trung bình 13% mỗi năm trong 15 năm qua dẫn tới kết quả là con số 500% hay thậm chí nhiều hơn nữa trong thực tế đối với gia tăng chi tiêu quân sự kể từ 1997 [54]. Sự gia tăng nhanh chóng này hoàn toàn mâu thuẫn với những lời nói hoa mỹ của lãnh đạo Trung Quốc về “phát triển hòa bình”, khiến các nước xung quanh quan ngại, và ở khía cạnh nào đó đã châm ngòi

cho cuộc chạy đua mua sắm vũ khí và thiết bị quân sự ngày càng nóng lên trong khu vực.

Mặc dù xu hướng toàn cầu hóa là ngày càng tất yếu, các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, nhưng những vấn đề về chủ quyền lãnh thổ, độc lập, an ninh... vẫn là những điều hết sức nhạy cảm. Quan niệm an ninh truyền thống và tư duy từ Chiến tranh lạnh vẫn còn rất mạnh trong quan hệ quốc tế hiện nay [4;37]. Bản thân Trung Quốc vẫn tham gia trực tiếp và gián tiếp vào nhiều điểm nóng an ninh trong khu vực, hay nhiều vấn đề toàn cầu, vì thế khi nước này đề xướng “thế giới hài hòa”, cộng đồng thế giới đã kỳ vọng Trung Quốc sẽ có những cách hành xử của một “ông lớn”. Tuy nhiên, những hành động thiếu kiềm chế nói trên của Trung Quốc phần nào đã làm sút mẻ hình ảnh tốt đẹp mà nước này bao lâu nay xây dựng, và người ta càng có cơ để tin vào thuyết “mối đe dọa Trung Quốc” [59].

Có lẽ vì ý thức được lòng tin của thế giới vào Trung Quốc trên đà suy giảm, cộng với việc Mỹ ngày càng tích cực can dự vào Châu Á – Thái Bình Dương, nên từ năm 2011, Bắc Kinh dần dần chọn những cách tiếp cận mềm mỏng hơn, ôn hòa hơn. Có thể kể đến trong vấn đề Biển Đông, vào tháng 8/2011, ông Hồ Cẩm Đào tuyên bố rằng "các nước liên quan có thể gạt sang một bên những tranh chấp và tích cực tìm ra những hình thức phát triển chung ở các khu vực biển liên quan" [42]. Bên cạnh đó, ngay trước Hội nghị thượng đỉnh Đông Á tháng 11/2011, Trung Quốc tuyên bố nước này sẽ thành lập một quỹ 476 triệu USD cho hợp tác trên biển giữa Trung Quốc - ASEAN về nghiên cứu khoa học, bảo vệ môi trường, tự do hàng hải, tìm kiếm và cứu nạn, và chiến đấu chống tội phạm xuyên quốc gia trên biển [42]. Một loạt các hoạt động hợp tác được đề ra cho thấy cách tiếp cận mới của Trung Quốc có thể không phải là một sách lược trì hoãn đơn thuần. Trung Quốc dưới thời Hồ

Cẩm Đào cũng tỏ ra ôn hòa và tương đối thành công trong chính sách đối với Đài Loan, thay đổi được thái độ cứng rắn trước đây. Hoặc trong quan hệ với Nhật Bản, nếu thời Giang Trạch Dân nhấn mạnh nhiều hơn tới vấn đề lịch sử, thời Hồ Cẩm Đào lại nhấn mạnh nhiều hơn tới sự võ vè, hướng về phía trước, coi trọng quan hệ hợp tác kinh tế. Trong tương lai, thái độ ôn hòa, kiềm chế này của Trung Quốc cần được tiếp tục duy trì để tránh làm tổn hại đến những lợi ích ngoại giao rộng lớn của nước này.

3. Một số dự báo về chính sách đối ngoại “hậu Hồ Cẩm Đào”

3.1. Thách thức và cơ hội cho Trung Quốc

Trong hai nhiệm kỳ của Hồ Cẩm Đào, Bắc Kinh đã thể hiện tư duy mới nhằm chấn hưng lại một đất nước Trung Quốc hùng mạnh, vươn lên vị thế một cường quốc trên thế giới. Đã có không ít thử thách đối với Trung Quốc trên con đường đạt được mục tiêu này, đến từ hoàn cảnh khách quan lẫn nội tại nước này. Những vấn đề còn tồn tại bên trong khiến xã hội Trung Quốc chưa “hài hòa”, chưa thể làm hình mẫu quốc gia trong “thế giới hài hòa”. Cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính quốc tế đòi hỏi Trung Quốc phải đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn nữa trước nhu cầu phục hồi kinh tế của thế giới, khiến cho áp lực kinh tế mà ngoại giao Trung Quốc phải gánh chịu tăng lên. Khi quan hệ hai miền Nam – Bắc bán đảo Triều Tiên nóng lên, Trung Quốc kiến nghị gỡ gỡ khẩn cấp giữa 6 bên nhưng bị từ chối và bị thách thức bằng diễn tập quân sự Mỹ - Hàn. Thêm nữa, khu vực thương mại tự do Trung Quốc – ASEAN được thành lập, đưa phát triển đi vào chiều sâu nhưng một số nước ASEAN lại muốn Mỹ trở lại Đông Nam Á để cân bằng với Trung Quốc. Và chính sách “quay trở lại Châu Á” của Tổng thống Mỹ Obama cũng là một thử thách lớn với ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực.

Bên cạnh đó, mặc dù Trung Quốc nhấn mạnh phát triển hòa bình là quá trình phát triển lâu dài, lấy phát triển kinh tế làm cơ bản, nhưng cạnh tranh kinh tế là một thách thức khốc liệt không kém cạnh tranh trên những lĩnh vực khác. Những cạnh tranh gay gắt về thương mại, những căng thẳng về việc Trung Quốc bị kiện bán phá giá hàng hóa vào các nước phương Tây, các vụ kiện liên quan đến chất lượng thực phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, hay vụ việc định giá lại đồng nhân dân tệ... cho thấy chiến tranh thương mại giữa Trung Quốc và các cường quốc kinh tế khác là không phải không có khả năng xảy ra [5;56].

Cuối cùng, những lo ngại của thế giới về khả năng Trung Quốc sẽ sử dụng đến tiềm lực quân sự to lớn của mình không phải là thiếu cơ sở. Mặc dù đã phần nào thể hiện thái độ ôn hòa trong các vấn đề tranh chấp lãnh thổ và tránh trực tiếp đề cập một cách chính thức, nhưng rõ ràng Bắc Kinh chưa bao giờ và sẽ không bao giờ từ bỏ mục tiêu “đòi lại những gì thuộc về Trung Quốc”. Cụ thể đó là: thống nhất Đài Loan, chiếm các đảo ở Biển Đông, thu hồi Nam Tây Tạng, giải quyết tranh chấp đảo Điếu Ngư và Lưu Cầu với Nhật Bản, thống nhất Ngoại Mông, đòi lại lãnh thổ Nga xâm chiếm. Giả sử những vụ tranh chấp trở nên bất lợi với Trung Quốc, hay các phương thức ngoại giao ôn hòa không có tác dụng, liệu Trung Quốc có sử dụng vũ lực hay không, và nếu có thì triển khai sức mạnh quân sự như thế nào? Và nếu sử dụng vũ lực, liệu nước này còn giữ được hình ảnh một nước lớn yêu chuộng hòa bình như vẫn khẳng định, và chính sách không can dự của Trung Quốc liệu còn đúng? Chấp nhận gánh vác các trách nhiệm toàn cầu với tư cách là một cường quốc đồng nghĩa nước này sẽ phải đưa ra những quyết định không chỉ dựa trên lợi ích quốc gia mà còn phải dựa trên sự ổn định, an ninh khu vực cũng như thế

giới. Đây là một thách thức mà giới lãnh đạo Trung Quốc cần suy nghĩ và cân nhắc kỹ.

Năm 2012 là một năm đầy biến động đối với Châu Á - Thái Bình Dương nói chung và với Trung Quốc nói riêng. Các cuộc bầu cử tổng thống và nghị viện của Đài Loan sẽ có tác động nhất định đến việc hoạch định chính sách của Đại lục. Tới cuối năm, thế hệ lãnh đạo thứ 5 của Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ lộ diện. Những tranh chấp lãnh thổ trên biển đang được kìm nén giữa Trung Quốc và các nước láng giềng Đông Nam Á và mối quan hệ song phương quan trọng nhất thế giới giữa Trung Quốc và Mỹ cũng sẽ thu hút sự quan tâm toàn cầu trong bối cảnh Mỹ tuyên bố “trở lại châu Á” [52].

Sự trở lại Châu Á của Mỹ là một thách thức vô cùng lớn với mục tiêu cạnh tranh ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Tuy nhiên, đi cùng với thách thức là những cơ hội lớn cho Trung Quốc, thậm chí có thể làm đòn bẩy giúp Trung Quốc đạt được mục tiêu của mình. Việc Trung Quốc cần làm là phải duy trì cục diện như hiện nay trước khi có sự thay đổi về so sánh lực lượng. Trung Quốc vẫn phải giữ vững nguyên tắc “hòa bình phát triển” và chính sách ngoại giao lấy an ninh làm cơ sở. Trên thực tế, chính sự trở lại này của Mỹ sẽ đem lại cơ hội giúp cho chính sách khu vực của Trung Quốc có hiệu quả hơn, chẳng hạn như thúc đẩy phát triển của mô hình hợp tác “10+3” mà Trung Quốc khởi xướng, từ đó làm yếu đi ý đồ của Nhật Bản và một số nước ASEAN muốn thành lập Hội nghị cấp cao Đông Á để hạn chế ảnh hưởng của Trung Quốc [34].

Những năm gần đây, các biện pháp kinh tế và an ninh của Trung Quốc không đạt hiệu quả cao do tâm lý lo sợ của các nước láng giềng. Điển hình như việc nước này vừa xây dựng Khu thương mại tự do với ASEAN đi theo chiều sâu, nhưng cũng vừa làm cho bất đồng với các nước ASEAN trong vấn

đề Biển Đông sâu sắc thêm. Nay Trung Quốc có thể lợi dụng thời cơ Mỹ hiện diện ở châu Á để xoa dịu lo ngại của các nước xung quanh, từ đó tiếp tục triển khai chiến lược, chính sách khu vực của mình. Thêm vào đó, theo Vương Tập Tu, Giám đốc Học viện Quan hệ quốc tế - Đại học Bắc Kinh, “mâu thuẫn về cơ cấu khu vực giữa Trung Quốc và Mỹ rõ hơn sẽ giúp Trung Quốc áp dụng chiến lược rõ ràng, xác định rõ hai nước Trung - Mỹ đứng trước cạnh tranh trong những vấn đề nào, có thể hợp tác trong lĩnh vực nào” [34]. Trung Quốc qua đó có thể xác định được giới hạn của mỗi bên, từ đó làm cơ sở xây dựng một khu vực hòa bình, ổn định để tập trung phát triển kinh tế.

3.2. Dự báo chiều hướng chính sách đối ngoại “hậu Hồ Cẩm Đào”

Nhiệm kỳ cuối của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào sắp kết thúc, một thế hệ lãnh đạo mới của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ đảm nhận vị trí lãnh đạo. Theo nhiều nguồn tin, ông Tập Cận Bình – hiện nay là phó Chủ tịch nước Trung Quốc – đã được chọn lựa để trở thành người đứng đầu Trung Quốc trong nhiệm kỳ tới. Tập thể lãnh đạo mới sẽ phải tập trung đề ra chiến lược phù hợp hơn với tình hình nội tại Trung Quốc, đồng thời phải phát huy hơn nữa sức ảnh hưởng của Trung Quốc trên trường quốc tế, cũng như tăng cường trách nhiệm quốc tế của nước này.

Trung Quốc dưới thời Hồ Cẩm Đào đã từ bỏ sách lược “giấu mình chờ thời” từ thời Đặng Tiểu Bình, để tích cực, chủ động tham gia các vấn đề quốc tế, nâng cao vị thế của mình. Tuy nhiên, theo nhiều nhà phân tích, Trung Quốc của Hồ Cẩm Đào vẫn chưa thực sự chủ động, quyết đoán, lời nói và hành vi còn tách rời nhau nên chưa thuyết phục được thế giới. Mặc dù đã đưa ra chiến lược “phát triển hòa bình” và đề xướng “thế giới hài hòa”, nhưng phương Tây vẫn đáp lại bằng việc đưa ra các luận thuyết: thuyết “Trung Quốc cứng rắn”, thuyết “Trung Quốc ngạo mạn” và thuyết “Trung Quốc tất thắng” để lý giải

cho chiến lược ngoại giao của Trung Quốc [53]. Những luận thuyết này đều dựa trên cơ sở thực tiễn là những động thái tiêu cực của Trung Quốc trong các vấn đề như tranh chấp biển đảo, lãnh thổ, thử nghiệm tiêu diệt vệ tinh bằng tên lửa, tăng ngân sách quốc phòng... Hay trong việc tham gia giải quyết các vấn đề quốc tế, Trung Quốc cũng chỉ tham gia có chừng mực. Gần đây, cùng với thành viên khác trong Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc là Nga, Trung Quốc đã bỏ phiếu trắng thay vì phiếu chống đối với nghị quyết của Liên Hiệp Quốc kêu gọi áp đặt vùng cấm bay đối với Lybia. Đây chính là sự đồng ý ngầm của Bắc Kinh: ủng hộ phương án giải quyết thông qua “đổi thoại và các biện pháp ngoại giao”. Mặc dù không lên án hành động của phe đồng minh, Trung Quốc cũng không tham gia hai hội nghị quốc tế về Lybia được tổ chức tại Paris và Luân Đôn. Điều này chứng tỏ Bắc Kinh chỉ giới hạn sự tham gia các vấn đề quốc tế ở một mức độ nhất định.

Với những gì diễn ra gần đây, có thể dự báo rằng các nhà lãnh đạo mới của Trung Quốc sẽ có những biểu hiện cứng rắn hơn, tích cực hơn, chủ động hơn về ngoại giao. Trong tương lai, khi vị thế Trung Quốc ngày càng cao, ảnh hưởng càng rộng, quyền phát ngôn trong quan hệ quốc tế càng lớn, thì nước này có thể tự mình hình thành luật chơi quốc tế. Các nhà lãnh đạo của Trung Quốc sẽ có thái độ cứng rắn hơn đối với các vấn đề như bảo vệ lợi ích quốc gia, phương Tây can thiệp vào nội bộ Trung Quốc... so với thế hệ lãnh đạo của Hồ Cẩm Đào. Đối với những vấn đề toàn cầu, Trung Quốc cũng sẽ tham gia tích cực thực sự, thể hiện quan điểm quyết đoán hơn để chứng tỏ vị thế nước lớn có trách nhiệm của mình. Và tất nhiên, các nhà lãnh đạo mới sẽ phải tìm cách chứng minh “lời nói đi đôi với hành động”, hạn chế những hành vi đi ngược lại chiến lược “phát triển hòa bình” của Trung Quốc và tìm kiếm sự đồng thuận của cộng đồng quốc tế.

Tiểu kết

Tóm lại, tư duy đối ngoại của giới lãnh đạo thế hệ thứ tư của Trung Quốc đã thể hiện rõ ràng những mục tiêu, cách thức tiếp cận của nước này nhằm chấn hưng lại một đất nước Trung Quốc hùng mạnh, sớm trở thành cường quốc đứng đầu thế giới. Thực tế từ khi Hồ Cẩm Đào lên nắm quyền cho tới nay, thế giới đã chứng kiến một Trung Quốc năng động, mạnh mẽ hơn nhiều trong nỗ lực vươn ra bên ngoài, một Trung Quốc có trách nhiệm, luôn hướng tới những giải pháp mang tính hòa bình và hợp tác. Tư duy đối ngoại tiến bộ này và tư tưởng “hài hòa” sẽ tiếp tục định hướng cho thế hệ lãnh đạo thứ năm của Trung Quốc trong bối cảnh quốc tế có nhiều cơ hội nhưng cũng không ít thách thức, trở ngại. Tuy nhiên, những chiến lược, chính sách của Trung Quốc sẽ chỉ thực sự có hiệu quả khi lời nói đi đôi với việc làm.

KẾT LUẬN

Thực tiễn ngoại giao hơn 60 năm của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã chứng minh nền ngoại giao nước này là ngoại giao hòa bình, độc lập tự chủ. Tùy vào tình hình thế giới và trong nước mà mỗi thời kỳ, mỗi giai đoạn chính sách đối ngoại của Trung Quốc có những điều chỉnh nhất định. Dưới thời thế hệ lãnh đạo thứ tư mà Hồ Cẩm Đào là đại diện, Trung Quốc xuất hiện với một tư thế mới: năng động, tích cực, chủ động tham gia sâu rộng vào cộng đồng quốc tế. Bằng những điều chỉnh đúng đắn, hợp lý, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu lớn trên con đường vươn lên thành cường quốc số một thế giới.

Những điều chỉnh về chiến lược trong thời đại này khá đặc sắc, mới mẻ và sáng tạo, và đậm dấu ấn cá nhân của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào. Chính sách đối ngoại mới vừa đáp ứng được những yêu cầu của thời đại, theo kịp những thay đổi trong tình hình quốc tế, nhưng vẫn giữ được những nét tinh hoa truyền thống Trung Quốc. Sự vận dụng sáng tạo thế giới quan “hòa mà không đồng” đã góp phần định hình và làm phong phú thêm chiến lược và tư duy phát triển của Trung Quốc. Đặc biệt, luận thuyết về “phát triển hòa bình” và “thế giới hài hòa” của Hồ Cẩm Đào không chỉ góp phần làm phong phú thêm chiến lược và cơ sở hoạch định chính sách của Trung Quốc, mà còn là đóng góp vô cùng đặc sắc cho lý luận quan hệ quốc tế của thế giới. Nhờ sự độc đáo và đặc sắc trong điều chỉnh chính sách này mà Trung Quốc đạt được những thành tựu đáng kể: củng cố vị thế trên trường quốc tế, cải thiện được hình ảnh “Trung Quốc hiếu chiến” từ giai đoạn chiến tranh lạnh đổ về trước, thêm được nhiều đồng minh, bớt được kẻ thù. Quan trọng hơn là Trung Quốc đã được thừa nhận như một cường quốc có vai trò, trách nhiệm quan trọng trong việc giải

quyết các vấn đề quốc tế, nâng cao được sự tín nhiệm của cộng đồng quốc tế. Chính bản thân điều này có tác động tích cực trở lại đối với sự phát triển bên trong và giải quyết các vấn đề nội bộ của nước này. Tuy nhiên, những triển khai chính sách đối ngoại trong thời kỳ này còn bộc lộ những hạn chế nhất định. Trong khi khẳng định “phát triển hòa bình” và xây dựng “thế giới hài hòa”, chính những hành động của Trung Quốc lại tự gây mâu thuẫn với những lời nói của các vị lãnh đạo. Tư duy đối ngoại mới và chính sách sẽ chỉ thực sự độc đáo khi lời nói đi đôi với việc làm, khi Trung Quốc thể hiện đúng như những gì họ tuyên bố và khẳng định. Đây là những hạn chế và thách thức đối với Trung Quốc.

Từ chính sách đối ngoại và thực tiễn triển khai của Trung Quốc, Việt Nam có thể rút ra những bài học về chiến lược, sách lược để ứng với mục tiêu bất biến và cả các hành vi vạn biến của nước bạn. Giữa hai nước còn tồn tại vấn đề tranh chấp biển đảo ở Biển Đông và quá trình giải quyết còn gặp sự khác biệt trong nhận thức và sự thiếu tin cậy lẫn nhau của cả hai bên. Do đó, việc nghiên cứu tư duy và chiến lược đối ngoại của Trung Quốc giúp chúng ta tranh thủ được mặt thuận, khắc phục được mặt chưa thuận; đồng thời có ý nghĩa thực tiễn trong việc hoạch định chính sách đối ngoại khôn khéo, biết người biết ta, biết thời thế và tạo thời thế, chủ động trong từng bước đi. Bên cạnh đó, tư tưởng “hài hòa” trong quan hệ quốc tế của nước bạn cũng là kinh nghiệm quý giá cho Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế (hòa nhập mà không hòa tan), cũng như con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội trong nước, phát triển đất nước hòa bình, phồn vinh...

Chủ tịch Hồ Cẩm Đào sẽ kết thúc nhiệm kỳ của mình vào cuối năm 2012. Trong tương lai, "chủ nghĩa Mác-Lênin được Trung Quốc hóa"¹⁷ sẽ vẫn là kim chỉ nam cho chính sách đối ngoại Trung Quốc, kết hợp với con đường "phát triển hòa bình" và tiến tới "thế giới hài hòa" mà thực tiễn đã chứng minh là đúng đắn. Và biết đâu, sẽ lại xuất hiện những sáng tạo mới, những tư tưởng đặc sắc mới mang đậm dấu ấn thể hệ lãnh đạo thứ năm của Trung Quốc? Liệu con đường Trung Quốc đang đi có đưa nước này tới cái đích số một mong muốn? Thời gian sẽ trả lời cho câu hỏi này./.

¹⁷ "...Chủ nghĩa Mác-Lê được Trung Quốc hóa thể hiện những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và bao hàm tư tưởng ưu tú của dân tộc Trung Hoa và kinh nghiệm thực tiễn của Đảng Cộng sản Trung Quốc" – theo Nhân dân nhật báo, 2/7/2001.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt

1. Đảng Cộng sản Trung Quốc, *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ 17*.
2. Đỗ Minh Cao (2005), “Chiến lược năng lượng của Trung quốc những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 5 (64), 10/2005, tr. 30 - 38.
3. Đỗ Thị Thủy (2010), "Nghiên cứu chính sách đối ngoại Trung Quốc từ góc độ lý luận quan hệ quốc tế", *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 4(83), 12/2010, tr.53-73.
4. Giang Tây Nguyên và Hạ Lập Bình (2004), “*Trôi dạt hòa bình*”, NXB Khoa học xã hội Trung Quốc, 2004, (Bản dịch của Dương Danh Dy, Hà Nội, 7/2005, tr.29 - 40).
5. Hiền Lương - Phương Mai (2010), “Từ khái niệm ‘Xã hội hài hòa’ tới bước phát triển mới trong tư duy quốc tế của giới lãnh đạo Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 3(82), 9/2010, tr.41 - 57.
6. Lê Văn Toan (2008), "Xã hội hài hoà: ngọn nguồn tư tưởng và nội dung hiện thực", *Tạp chí Lý luận chính trị*, số 9/2008, tr. 23 - 40.
7. Nguyễn Đức Tuyên (2008), “Về sức mạnh mềm của Trung Quốc tại Châu Á”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, số 1 (72), tháng 3 - 2008, Học viện Ngoại giao, tr.56 – 62.
8. Phạm Sao Mai (2011), “Nội hàm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 1 (84), 3/2011, tr.63 – 74.
9. Phan Nguyễn (2008), “Địa – chiến lược trong thế giới toàn cầu hóa”, *Báo Thế giới và Việt Nam*, 28/4/2008, tr.23 - 36.

10. Shenkar, O. (2008), “*Thế kỷ 21 - Thế kỷ của Trung Quốc*”, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2008.
11. Thông tấn xã Việt Nam (2005), “Trung Quốc phát triển quyền lực mềm và tác động đối với chính sách của Mỹ ở châu Á”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, TTX ngày 07/03/2005, tr.54-69.
12. Thông tấn xã Việt Nam (2007), “Trung Quốc xác định xây dựng sức mạnh mềm là nhiệm vụ chiến lược”, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, TTX ngày 4/6/2007, tr. 18 - 29.
13. Trần Tiên Khuê (2002), “*Đặng Tiểu Bình: từ lý luận đến thực tiễn*”, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
14. Vũ Hồng Lâm (2006), “*Thế giới đa cực: Cấu hình quyền lực thế giới đương đại*”, Tham luận tại hội thảo Dân chủ và phát triển, Berkeley, California Mỹ, 28-29/7/2006.

Tài liệu Tiếng Anh

15. Al-Rodhan, K. R. (2007), “A Critique of the China Threat Theory: A systematic analysis”, *Asian Perspective*, Vol.31, No.3, tr.41-66.
16. Callahan, W. A. (2009), "The Cartography of National Humiliation and the Emergence of China's Geobody", *Public Culture*, Vol. 21, No. 1, 3/2009, tr.141-173.
17. Ding Sheng (2008), “To Build A “Harmonious World”: China’s Soft Power Wielding in the Global South”, *Journal of Chinese Political Science*, vol. 13, no. 2, 2008, tr.193-213.
18. Dumbaugh, K. (2006), “*China-U.S. Relations: Current Issues and Implications for U.S. Policy*”, Report of Congressional Research Service, Washington D.C., 14/7/2006.

19. Ghoshal, B. (2010), "*The Rise of China: Regional and Global Implications*", bài thuyết trình tại Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 5/2010.
20. Gill, B. and Huang, Yanzhong (2006), "Sources and Limits of Chinese soft power", *Survival*, Vol. 48, No. 2. Summer 2006.
21. Hunter, A. (2009), "Soft Power: China on the Global Stage", *Chinese Journal of International Politics*, No.2, 29/4/2009, tr. 373-398.
22. Johnston, A. I. (2003), "Is China a status quo Power?", *International Security*, Vol. 27, No.4, Spring 2003, tr.5-56.
23. Johnston, A. I. and Ross, R. S. (1999), "*Engaging China: The Management of an Emerging Power*", Routledge, London, 1999.
24. Joseph S. Nye, Jr., "Soft Power," *Foreign Policy*, vol. 90, no. 80, 1990, tr. 153-171.
25. Kahn, J. (2001), "Mysterious Man at the Helm: Hu Jintao," *New York Times*, 15/11/2001, tr. A-1.
26. Meidan, M. (2006), "China's Africa Policy: Business now, Politics later", *Asian Perspective*, Vol.30, No. 4, 2006, tr. 69-93.
27. Pye, L. (1990), "China: erratic state, frustrated society," *Foreign Affairs*, Fall 1990, tr.50-64.
28. Rosemont, H. (2008), "Is China a Threat?", *Foreign Policy in Focus*, 6/2/2008, Washington, DC.
29. Roy, D. (1994), "Hegemon on the Horizon? China's Threat to East Asian Security", *International Security*, Vol. 19, No.1, Summer 1994, tr. 149-168.
30. Sutter, G. R. (2005), "*China's Rise in Asia: Promises and Perils*", Rowman and Littlefield Publishers, Inc., Maryland, 2005

31. Ye Zicheng (2001), "*Xin Zhongguo waijiao sixiang: cong Mao Zedong dao Deng Xiaoping*" (Tư tưởng ngoại giao mới của Trung Quốc: Từ Mao Trạch Đông đến Đặng Tiểu Bình), Bắc Kinh, NXB Đại học Bắc Kinh, 2001.
32. Yee, H. and Storey, I. (2002), "*The China Threat: Perceptions, Myths and Reality*", Routledge, London, 11/04/2002.

Tài liệu từ các trang web

33. Bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tại Đại hội lần thứ 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc, 25/10/2007. Nguồn: http://news.xinhuanet.com/english/2007-10/24/content_6938749.htm, truy cập ngày 31/3/2012.
34. Báo Thanh niên Trung Quốc, "Khó khăn ngoại giao láng giềng dưới góc nhìn của học giả Trung Quốc", 10/11/2011, Vũ Hiền dịch, nguồn <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/2212-2212-> , truy cập ngày 1/5/2012.
35. BBC News, "*Tajikistan cedes land to China*", 13/1/2011, nguồn: <http://www.bbc.co.uk/news/world-asia-pacific-12180567>, truy cập ngày 28/4/2012.
36. Chilicity, "*Before the Chinese leaders worry 2012, the situation out of control*", 10/6/2011, Đình Tuấn dịch, nguồn <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/1561-lanh-dao-trung-quoc-lo-ngai-tinh-hinh-sau-2012>, truy cập ngày 5/5/2012.
37. China Daily, "*Hu dwells on China's peaceful development*", 16/4/2010, nguồn: http://www.chinadaily.com.cn/china/2010-04/16/content_9740915.htm truy cập ngày 18/4/2012.

38. China News, “*Sáu cuộc chiến tranh trong 50 năm tới của Trung Quốc*”, 5/5/2011, nguồn: http://www.mitbbs.com/article_t/MiscNews/31207047.html, truy cập ngày 5/5/2012.
39. “China’s Position Paper on the New Security Concept”, 6/8/2001, <http://www.mfa.gov.cn/eng/wjb/zzjg/gjs/gjzzyhy/2612/2614/t15319.htm>, truy cập ngày 1/4/2012.
40. Chinese Radio International, “*Tiểu sử Hồ Cẩm Đào*”, nguồn <http://vietnamese.cri.cn/chinaabc/chapter2/chapter20301.htm>, truy cập ngày 6/5/2012.
41. Đinh Tuấn Anh (2011), “*Chính sách Trung Đông của Trung Quốc hiện nay*”, *Nghiên cứu Biển Đông*, 26/8/2011, nguồn: <http://nghiencuubiendong.vn/nguyen-cuu-trung-quoc/1997-1997->, truy cập ngày 30/2/2012.
42. Fravel, T. (2012), “*All Quiet in the South China Sea*”, *Foreign Affairs*, 22/3/2012, nguồn <http://www.foreignaffairs.com/articles/137346/m-taylor-fravel/all-quiet-in-the-south-china-sea>, truy cập ngày 1/5/2012.
43. Global Fire Power, *Bảng xếp hạng năng lực quân sự toàn cầu*, nguồn: <http://www.globalfirepower.com/>, truy cập ngày 1/5/2012.
44. Hei, Long Jiang (2009), “*Con đường thực hiện và nội hàm của xã hội hài hòa*”, *Viện quản lý khoa học và xã hội Trung Quốc*, nguồn: <http://mss.org.cn/html/guanlihuicui/guanliluntan/2009/1013/152.html>.
45. Index Mundi, *Bảng tổng hợp GDP Trung Quốc*, nguồn http://www.indexmundi.com/china/gdp_per_capita_ppp.html, truy cập ngày 14/4/2012.

46. Johnson, C. (2005), “The real ‘China Threat’”, *Asia Times Online*, 19/3/2005, nguồn: <http://www.atimes.com/atimes/China/GC19Ad05.html>, truy cập ngày 1/3/2012.
47. Kurlantzick, J. (2006), “China’s Charm: Implications of Chinese Soft Power”, *Policy Brief*, số 46, Carnegie Endowment for International Peace, www.carnegieendowment.org/publications/index.cfm?fa=view&id=18401, truy cập ngày 15/4/2012.
48. Lam, W. Wo – Lap (2009), “China unveils its new worldview”, *Asia Time Online*, 11/12/2009, nguồn: <http://www.atimes.com/atimes/China/KL11Ad01.html>, truy cập ngày 1/4/2012.
49. Moore, P. (2005), “Asia: Is China Becoming a Regional Military Threat?”, *Radio Free Europe*, 22/7/2005, nguồn: <http://www.rferl.org/content/article/1060117.html>, truy cập ngày 1/3/2012.
50. Mỹ Anh (2011), “Trung Quốc khó sửa chữa được những sai lầm ngoại giao”, *Nghiên cứu Biển Đông*, 9/6/2011, nguồn <http://nghiencuubiendong.vn/nguyen-cuu-trung-quoc/1597-trung-quc-kho-sa-cha-c-nhng-sai-lm-ngoi-giao>, truy cập ngày 1/5/2012.
51. National Bureau of Statistics of China, “Statistical Communiqué of the People's Republic of China on the 2011 National Economic and Social Development”, 22/2/2012, nguồn http://www.stats.gov.cn/english/newsandcomingevents/t20120222_402786587.htm, truy cập ngày 10/5/2012.
52. Neill, A. (2012), “China 2012: the Year of the Dragon”, *Royal United Services Institute*, nguồn:

<http://www.rusi.org/analysis/commentary/ref:C4EEB4E2DC842F/>, truy cập ngày 3/5/2012.

53. Nghiên cứu Biển Đông, “Thế hệ lãnh đạo mới của Trung Quốc sẽ cứng rắn hơn về ngoại giao?”, 8/7/2011, nguồn: <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-trung-quoc/1770-th-h-lanh-o-mi-ca-trung-quoc-s-cng-rn-hn-v-ngoai-giao>, truy cập ngày 30/4/2012.

54. Nguyễn Huy (2012), “Trung Quốc bạo chi ngân sách quốc phòng cho mục tiêu mới”, *Tuần Việt Nam*, 16/4/2012, nguồn <http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2012-04-12-trung-quoc-bao-chi-ngan-sach-quoc-phong-cho-muc-tieu-moi->, truy cập ngày 16/4/2012.

55. Nguyễn Thu Phương (2010), “Trung Quốc gia tăng sức mạnh mềm văn hoá ở khu vực Đông Nam Á”, *Viện Nghiên cứu Trung Quốc*, nguồn: <http://vnics.org.vn/Default.aspx?ctl=Article&aID=178>, truy cập ngày 15/4/2012.

56. Phạm Quốc Trụ (2011), “Quyền lực mềm trong quan hệ quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu quốc tế*, 6/1/2011, nguồn <http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-quoc-te/69-nghien-cu-quc-t/1228-quyen-luc-mem-trong-quan-he-quoc-te>, truy cập ngày 20/4/2012.

57. Phar, Kim Beng (2003), “Beijing nurtures its regional influence”, *Asia Time Online*, 22/3/2003, nguồn: <http://www.atimes.com/atimes/China/EC22Ad01.html>, truy cập ngày 28/4/2012.

58. Tân Hoa Xã (2011), “China's economy expands faster in 2010, tightening fears grow”, 20/1/2011, nguồn:

http://news.xinhuanet.com/english2010/china/2011-01/20/c_13699250_2.htm,
truy cập ngày 16/4/2012. , truy cập ngày 3/4/2012.

59. The Economist, "*The dangers of a rising China*", 2/12/2010, nguồn:
<http://www.economist.com/node/17629709> , truy cập ngày 29/4/2012.

60. The Washington Times, "*China undermining economic recovery and U.S. security*", 5/10/2011, nguồn:
<http://www.washingtontimes.com/news/2011/oct/5/china-undermining-economic-recovery-and-us-securit/> , truy cập ngày 2/5/2012.

61. Tiếng nói nước Nga, "*Trung Quốc ở châu Phi: Con rồng công nghiệp chính phục lục địa Đen*", 14/4/2012, nguồn:
<http://www.baomoi.com/Home/TheGioi/vinacorp.vn/Trung-Quoc-o-chau-Phi-Con-rong-cong-nghiep-chinh-phuc-luc-dia-Den/8271383.epi>, truy cập ngày 15/4/2012.

62. "*Tính bất biến và khả biến trong chính sách đối ngoại Trung Quốc*", 7/10/2009, nguồn: http://dltntq.laocai.gov.vn/content/1010005_051.htm, truy cập ngày 18/4/2012.

63. Trần Thọ Quang (2010), "*Những nét mới trong chính sách đối ngoại Trung Quốc*", *Tạp chí cộng sản*, 3/11/2010, nguồn:
<http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/The-gioi-van-de-su-kien/2010/3162/Nhung-net-moi-trong-chinh-sach-doi-ngoai-cua-Trung-Quoc-hien.aspx>, truy cập ngày 12/4/2012.

64. Zhao Suisheng, "*Chinese Foreign Policy in Hu's Second Term: Coping with Political Transition Abroad*", 10/5/2008, nguồn:
<http://www.fpri.org/enotes/20080510.zhao.chineseforeignpolicyhu.html>, truy cập ngày 15/4/2012.

PHỤ LỤC 1

TIỂU SỬ HỒ CẨM ĐÀO¹⁸



Đồng chí Hồ Cẩm Đào: Nam, dân tộc Hán, sinh tháng 12 năm 1942, Tích Khê, An Huy, vào Đảng tháng 4/1964, tham gia công tác từ tháng 7 năm 1965, tốt nghiệp chuyên ngành thủy điện đầu mối Khoa Công nghệ thủy lợi Đại học Thanh Hoa. Trình độ học vấn: đại học, kỹ sư.

Đồng chí Hồ Cẩm Đào hiện đảm nhiệm các chức vụ: Tổng Bí Thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

- ❖ 1959-1964: Khoa Công nghệ thủy lợi Đại học Thanh Hoa.
- ❖ 1964-1965: Phụ đạo viên chính trị Khoa Công nghệ thủy lợi.

¹⁸ Chinese Radio International, “Tiểu sử Hồ Cẩm Đào”, <http://vietnamese.cri.cn/chinaabc/chapter2/chapter20301.htm>, truy cập ngày 6/5/2012.

- ❖ 1965-1968: Tham gia công tác nghiên cứu tại Khoa Công nghệ thủy lợi Đại học Thanh Hoa, kiêm phụ đạo viên chính trị.
- ❖ 1968-1969: Lao động tại đội xây dựng nhà ở Cục Công trình Lưu Gia Hiệp, Bộ Thủy điện.
- ❖ 1969-1974: Kỹ thuật viên, thư ký, phó bí thư chi bộ cơ quan phân cục 813 Cục Công trình 4 Bộ Thủy điện.
- ❖ 1974-1975: Thư ký Ủy ban Xây dựng tỉnh Cam Túc.
- ❖ 1975-1980: Phó trưởng phòng Quản lý thiết kế Ủy ban Xây dựng tỉnh Cam Túc.
- ❖ 1980-1982: Phó chủ nhiệm Ủy ban xây dựng Cam Túc, Bí thư tỉnh đoàn Cam Túc (9/1982 – 12/1982).
- ❖ 1982-1984: Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Hội Thanh niên toàn quốc.
- ❖ 1984-1985: Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Trung Quốc.
- ❖ 1985-1988: Bí thư tỉnh ủy Quý Châu, Bí thư thứ nhất Đảng ủy quân khu tỉnh Quý Châu.
- ❖ 1988-1992: Bí thư Khu ủy Khu tự trị Tây Tạng, Bí thư thứ nhất Đảng ủy quân khu Tây Tạng.
- ❖ 1992-1993: Ủy viên Thường vụ Bộ chính trị, Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc.
- ❖ 1993-1998: Ủy viên Thường vụ Bộ chính trị, Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc, Giám đốc trường Đảng Trung ương.
- ❖ 1998-1999: Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư, Phó chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Giám đốc trường Đảng Trung ương.

❖ 1999-2002: Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị, Bí thư Ban bí thư, Phó chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương, Phó chủ tịch Hội đồng quân sự, Phó Chủ tịch Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Giám đốc Trường Đảng Trung ương.

❖ 2002-2003: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Phó Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương, Phó Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch Hội đồng quân sự Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Giám đốc Trường Đảng Trung ương (sau 12/2002 thôi kiêm nhiệm).

❖ 2003-2004: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Phó chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương, Phó Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

❖ 2004-2005: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Chủ tịch Quân ủy Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

❖ 2005: Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Ủy viên dự khuyết, ủy viên Trung ương khóa 12, Ủy viên Trung ương các khóa 13, 14, 15, 16 và 17. Ủy viên, Thường vụ Bộ Chính trị, Bí thư Ban Bí thư các khóa 14 và 15. Ủy viên, Thường vụ Bộ Chính trị, Tổng Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc các khóa 16 và 17. Tại Hội nghị Trung ương 4 khóa 15 được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương. Được bầu làm Phó Chủ tịch Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Trung Quốc khóa 9. Được bầu làm Phó

Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại Kỳ họp thứ 12 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 9. Được bầu làm Chủ tịch Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội Trung Quốc khóa 10. Được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương tại Hội nghị Trung ương 4 khóa 16. Được bầu làm Chủ tịch Hội đồng Quân sự Trung ương Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại Kỳ họp thứ 3 Quốc hội Trung Quốc khóa 10. Được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Quân sự Trung ương tại Hội nghị Trung ương một khóa 17. Là ủy viên thường vụ Chính hiệp toàn quốc khóa 6.

PHỤ LỤC 2

NỘI HÀM CHIẾN LƯỢC “PHÁT TRIỂN HÒA BÌNH” CỦA TRUNG QUỐC¹⁹

Tháng 12/2005, Văn phòng Báo chí Quốc Vụ viện Trung Quốc ra sách trắng "Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc". Đại hội 17 Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2007 đề ra quan điểm “phát triển khoa học xây dựng xã hội hài hòa”, khẳng định "Trung Quốc trước sau không thay đổi đi theo con đường phát triển hòa bình". Chiến lược phát triển hòa bình cơ bản hình thành.

Đến nay, chưa thấy quan chức và học giả Trung Quốc nêu khái niệm tổng quát về chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc. Tuy nhiên, sách trắng "Con đường phát triển hòa bình của Trung Quốc" đã khái quát chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc với một số hàm ý sau: “*Phát triển của Trung Quốc là trên cơ sở hòa bình ổn định, đồng thời lấy sự phát triển để bảo vệ hòa bình; Trọng điểm của phát triển là nâng cao sức mạnh quốc gia; Trung Quốc phát triển không cản trở và không đe dọa ai, không xung bá*”. Từ đó, sách trắng đề cập năm nội dung cốt yếu, đó là: **(i)** phát triển hòa bình là con đường Trung Quốc phải trải qua; **(ii)** lấy sự phát triển của Trung Quốc thúc đẩy hòa bình và phát triển của thế giới; **(iii)** dựa vào nội lực và cải cách sáng tạo để thực hiện phát triển; **(iv)** thực hiện cùng có lợi, cùng thắng và cùng các nước phát triển; **(v)** xây dựng thế giới hài hòa, hòa bình lâu dài và cùng phần vinh.

¹⁹ Phạm Sao Mai (2011), “Nội hàm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 1 (84), 3/2011, tr.63 – 74

Trên cơ sở năm điểm này của sách trắng cùng các phát biểu của lãnh đạo và học giả Trung Quốc về trở dậy hòa bình, có thể rút ra một số nội dung cụ thể của khái niệm chiến lược phát triển hòa bình của Trung Quốc như sau:

Thứ nhất, không ngừng nâng cao quốc lực tổng hợp trên cơ sở đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hiện bốn mục tiêu hiện đại hóa.

Thứ hai, thúc đẩy cải cách chính trị, xây dựng hệ thống pháp luật tương ứng với tình hình phát triển kinh tế xã hội, tăng cường giám sát các hoạt động chấp pháp, mở rộng dân chủ cơ sở, xây dựng văn minh.

Thứ ba, xây dựng trật tự chính trị - kinh tế quốc tế mới, cụ thể là: (i) về chính trị, các nước không được áp đặt ý chí cho Trung Quốc; (ii) về kinh tế, thúc đẩy hợp tác cùng phát triển để giảm chênh lệch giàu nghèo; (iii) về văn hóa, tôn trọng sự đa dạng của các nền văn minh; (iv) về an ninh, tạo dựng quan niệm an ninh mới tin cậy, bình đẳng và cùng có lợi; (v) về cơ chế, tăng cường vai trò của Liên Hợp Quốc và các tổ chức quốc tế, khu vực khác.

Trung Quốc nhấn mạnh chủ trương thay đổi và phát triển trật tự quốc tế hiện nay bằng biện pháp hòa bình, phản đối giải quyết vấn đề bằng bạo lực và xung đột bạo lực, tích cực tham gia xây dựng các thể chế quốc tế, nâng cao khả năng đề xuất sáng kiến xây dựng thể chế quốc tế, chủ động đưa ra ý tưởng về trật tự thế giới trong tương lai, bao gồm trật tự an ninh quốc tế, thương mại quốc tế và tài chính tiền tệ, duy trì hiệu quả và thúc đẩy hơn nữa ý tưởng về thể chế hóa hòa bình quốc tế, thúc đẩy phát triển văn minh và dân chủ chính trị quốc tế theo hướng ngày càng có lợi cho Trung Quốc.

Thứ tư xây dựng tư duy quan điểm an ninh mới, trong đó nhấn mạnh an ninh và phát triển của Trung Quốc không thể tách rời hòa bình, an ninh khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Trung Quốc cùng các nước châu Á - Thái Bình Dương xây dựng môi trường an ninh khu vực lành mạnh, ổn định. Quan

điểm an ninh mới của Trung Quốc sẽ giảm bớt tư duy ý thức hệ, tăng cường thực hiện an ninh tổng hợp. Một số học giả Trung Quốc cho rằng sau khi Chiến tranh lạnh kết thúc, sự xuất hiện và tác động lẫn nhau của những mô hình mới về quan hệ an ninh chứng tỏ tư duy Chiến tranh lạnh đang giảm dần và quan điểm về an ninh mới phát huy vai trò ngày càng lớn hơn.

Thứ năm, thực thi chiến lược đối ngoại trên quan điểm lợi ích mới, tránh định kiến chính trị, sai lệch chính trị; thúc đẩy giao lưu giữa các nền văn minh, chế độ chính trị; chống áp đặt quan niệm giá trị và thể chế chính trị. Đặc biệt cần có tầm nhìn lâu dài và sâu rộng hơn về lợi ích quốc gia trong mối quan hệ với lợi ích của thế giới.

Thứ sáu xây dựng hình ảnh nước lớn có trách nhiệm, tham gia sâu vào các cơ chế kinh tế và chính trị quốc tế và việc giải quyết những vấn đề lớn của quốc tế. Việc tạo dựng hình ảnh nước lớn có trách nhiệm sẽ giúp gạt bỏ những nghi ngờ của các nước về vai trò của Trung Quốc đối với hòa bình, an ninh cũng như các vấn đề khu vực

Từ đó có thể khẳng định mục tiêu xuyên suốt trong phát triển của Trung Quốc là đưa Trung Quốc trở thành một cường quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới và xác lập vai trò nước lớn của Trung Quốc ở châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Hai mục tiêu này gắn bó chặt chẽ với nhau, tác động qua lại với nhau. Đây là nhân tố bất biến trong chiến lược phát triển của Trung Quốc. Nhằm thực hiện các mục tiêu nêu trên, Trung Quốc sẽ tiến hành đồng bộ các nhóm giải pháp cả về chính trị, kinh tế, quân sự và đối ngoại như sau:

(i) Nhóm biện pháp về chính trị

Tích cực xây dựng mô hình phát triển đặc sắc Trung Quốc trên ba mặt sau: **(i)** Nhìn từ góc độ và ý nghĩa của chủ nghĩa xã hội, mô hình Trung Quốc phải giải quyết các vấn đề mà mô hình Liên Xô không thể giải quyết được; **(ii)** Nhìn

từ góc độ phát triển của văn minh nhân loại, phải giải quyết vấn đề mà mô hình phương Tây, đặc biệt là mô hình Mỹ không thể giải quyết ví dụ như những vấn đề nghiêm trọng phát sinh từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, vấn đề chủ nghĩa bá quyền trong quan hệ quốc tế; (iii) Phải giải quyết các vấn đề then chốt làm ảnh hưởng đến sự phát triển của Trung Quốc, ví dụ như vấn đề chênh lệch thu nhập quá lớn, vấn đề tham nhũng; đồng thời có khả năng giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn mang tính toàn cầu.

Xây dựng thể chế chính trị mới phù hợp với trình độ phát triển của Trung Quốc. Nhiều học giả cho rằng thể chế chính trị của Trung Quốc trong tương lai có thể là "sự pha trộn giữa văn hóa truyền thống (đặc biệt là tư tưởng Nho giáo), chủ nghĩa cộng sản và văn hóa phương Tây". Vận hành của hệ thống chính trị của Trung Quốc không dựa vào tranh luận chính sách giữa các đảng đối lập mà là tầng lớp lãnh đạo thông qua việc tập hợp ý kiến từ dưới lên để định ra một cương lĩnh chính thể, đồng thời quần chúng nhân dân có thể tham chính, nghị chính để đạt được sự thống nhất ý kiến từ dưới lên trên và từ trên xuống dưới.

(ii) Nhóm biện pháp về kinh tế

Tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng ở mức độ cao, rút ngắn khoảng cách sức mạnh tổng hợp của Trung Quốc so với Mỹ, trở thành cường quốc có năng lực chủ đạo trên cơ sở sức mạnh tổng hợp hùng mạnh, trong đó: đứng đầu thế giới về GDP, đứng đầu thế giới về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, đứng hàng đầu thế giới về thực lực khoa học - công nghệ, trở thành nước lớn về ứng dụng kỹ thuật, chiếm vị trí hàng đầu trong một số lĩnh vực khoa học quan trọng.

Nâng sức cạnh tranh quốc tế lên vị trí đứng đầu thế giới, chiếm giữ lợi thế trong tình hình thế giới có biến động lớn, cạnh tranh gay gắt, nhất là trên bốn lĩnh vực tài chính, cơ sở hạ tầng; khoa học - công nghệ và giáo dục.

Duy trì phát triển bền vững về kinh tế, nâng cao mức thu nhập bình quân đầu người, cải thiện chỉ số phát triển con người, chất lượng đời sống vật chất, an ninh con người và môi trường sinh thái.

Để thực hiện các biện pháp lớn về kinh tế trên đây, trước mắt Trung Quốc cần: Tiếp tục đẩy mạnh các bước đi cải cách kinh tế, phát triển hài hòa, qua đó duy trì kinh tế Trung Quốc tiếp tục phát triển nhanh, bền vững trong một thời gian dài; Đẩy nhanh sự chuyển đổi phương thức phát triển kinh tế theo hướng kích thích nội nhu, dựa vào nội nhu để thúc đẩy phát triển; Đồng thời giải quyết tốt vấn đề thiếu hụt tài nguyên, đất đai và lương thực và tìm tòi đường phát triển liên tục; Tiếp tục tranh thủ vốn, công nghệ cao của nước ngoài; Xây dựng chiến lược kinh tế đối ngoại hoàn chỉnh, tích cực triển khai "Chiến lược đi ra ngoài", kết hợp mở rộng đầu tư, hỗ trợ vốn tại các thị trường bên ngoài, vừa đa dạng hóa nguồn lợi nhuận, vừa mở rộng ảnh hưởng kinh tế của Trung Quốc tại các khu vực; Không ngừng nâng cao năng lực phát triển quốc gia phù hợp với các đòi hỏi của quốc tế.

(iii) Nhóm biện pháp quân sự

Đẩy nhanh tiến độ hiện đại hóa quốc phòng, không ngừng nâng cao sức mạnh để đưa Trung Quốc trở thành cường quốc về quân sự. Đây là một trong những biện pháp chiến lược luôn được Trung Quốc đề cao. Theo quan điểm của một số học giả Trung Quốc, Trung Quốc không nhất thiết sử dụng biện pháp quân sự trong quá trình phát triển, nhưng cần phải có sức mạnh răn đe cần thiết và cần phát triển sức mạnh quân sự. Có quan điểm cho rằng Trung Quốc muốn "trỗi dậy hòa bình" thì phải "trỗi dậy về quân sự"; sự trỗi dậy về kinh tế mà không có trỗi dậy về quân sự là sự trỗi dậy nguy hiểm bởi vì nó sẽ khiến cho một dân tộc trở thành dân tộc kinh tế". Do vậy, sự trỗi dậy của Trung Quốc cần có sự thống nhất giữa "phú quốc" với "cường binh". Theo đó,

chi phí quốc phòng Trung Quốc sẽ tiếp tục được nâng cao, có thể sau này sẽ chiếm khoảng 2 - 2,5% GDP.

Bảo vệ các lợi ích cốt lõi của Trung Quốc như vấn đề Đài Loan, Tây Tạng; tăng cường các biện pháp bảo vệ chủ quyền lãnh thổ trên biển; thúc đẩy hòa giải tiến tới thực hiện thống nhất hòa bình Đài Loan tuy nhiên không từ bỏ khả năng sử dụng vũ lực trong trường hợp cần thiết.

Từng bước chuyển trọng tâm chiến lược từ "phòng ngự lãnh thổ" sang "bảo vệ lợi ích"; cơ cấu lực lượng quân sự từ "đại lục quân" chuyển sang nhất thể hóa hải quân – không quân – vũ trụ - tin học. Về xây dựng năng lực tác chiến, chuyển từ "lấy thực chiến làm chính" sang "lấy rắn đe làm chính", xây dựng lực lượng quân đội hùng mạnh tương xứng với địa vị quốc tế của Trung Quốc, có khả năng bảo đảm hiệu quả an ninh quân sự.

(iv) Nhóm biện pháp đối ngoại

Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tương đối ổn định với các nước lớn chủ yếu trên thế giới, đặc biệt là Mỹ trên mặt trận chiến lược, ngoại giao, kinh tế, đồng thời mở rộng không gian an ninh và phát triển của Trung Quốc, tăng nhanh ảnh hưởng đối với thế giới thứ ba.

Chủ động tham dự các thể chế an ninh đa biên và hợp tác kinh tế ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương; tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, nhất là trong việc quyết định những vấn đề lớn của thế giới; tích cực phát huy tác dụng của tổ chức quốc tế như Liên Hợp Quốc, thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm quốc tế bảo vệ hòa bình và phát triển của thế giới.

Xử lý tốt mối quan hệ giữa "giấu mình chờ thời" và "làm nên sự nghiệp"

Phát triển chiến lược văn hóa, xây dựng chiến lược văn hóa đối ngoại, tạo ra sức ảnh hưởng to lớn của nền văn hóa Trung Quốc trên thế giới.